

Số: /BC-UBND

Bình Phước, ngày tháng năm 2024

**DỰ THẢO**

## **BÁO CÁO**

### **Kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn nông thôn mới năm 2024 đối với huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước**

Kính gửi: Bộ Nông nghiệp và PTNT.

Căn cứ Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới; quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 211/QĐ-TTg ngày 01/3/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi một số tiêu chí, chỉ tiêu của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới, Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao, Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025; bổ sung tiêu chí huyện nông thôn mới đặc thù, không có đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ, về ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc Ban hành quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 03/2024/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Công văn số .../SNN-KTHT ngày .../.../2024 và UBND huyện Đồng Phú tại Tờ trình số 20/TTr-

UBND ngày 12/4/2024 về việc *thăm tra, xét, công nhận huyện Đồng Phú đạt chuẩn huyện nông thôn mới năm 2024*;

*Căn cứ kết quả thăm tra, đánh giá cụ thể thực tế mức độ đạt các tiêu chí huyện nông thôn mới đối với huyện Đồng Phú của các sở, ngành tỉnh,*

Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh báo cáo kết quả thăm tra hồ sơ, đề nghị xét công nhận huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước đạt chuẩn huyện nông thôn mới năm 2024, cụ thể như sau:

## **I. KẾT QUẢ THĂM TRA**

Thời gian thăm tra và hoàn thiện hồ sơ: Từ ngày 23/5/2024 đến ngày 23/9/2024.

### **1. Về hồ sơ**

Về thời gian hoàn thiện: UBND huyện Đồng Phú đã hoàn thiện hồ sơ và gửi về Sở Nông nghiệp và PTNT (thông qua Văn phòng Điều phối Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (MTQG XDNTM) tỉnh đảm bảo đúng trình tự quy định tại Quyết định số 18/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 (viết tắt là Quyết định số 18/QĐ-TTg) và các văn bản liên quan.

### **2. Về kết quả chỉ đạo thực hiện xây dựng huyện nông thôn mới**

- UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 51/KH-UBND ngày 05/02/2024 về việc thực hiện Chương trình MTQG XDNTM năm 2024 trên địa bàn tỉnh.

- Ngày .../.../2024, UBND tỉnh ban hành Công văn số .../UBND-KT về việc công bố thông tin huyện Đồng Phú đủ điều kiện trình Thủ tướng Chính phủ công nhận huyện Đồng Phú đạt chuẩn huyện nông thôn mới năm 2024 để người dân được biết và tham gia ý kiến; Công văn số .../UBND-KT để lấy ý kiến các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh đối với dự thảo Báo cáo thăm tra huyện Đồng Phú đạt chuẩn huyện nông thôn mới năm 2024, thời gian góp ý 07 ngày (*kể từ ngày ra thông báo*). Kết quả: 100% các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh và 100% Nhân dân đồng ý đối với việc “huyện Đồng Phú đạt chuẩn huyện nông thôn mới năm 2024”.

### **3. Về số xã, thị trấn đạt chuẩn theo quy định**

#### **3.1. Số xã đạt chuẩn theo quy định**

- Tổng số xã trên địa bàn huyện: 10 xã.
- Số xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới: 10 xã.
- Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới: 100%.
- Số xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao: 04 xã.
- Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao: 40%.

### **3.2. Số thị trấn đạt chuẩn theo quy định**

- Tổng số thị trấn trên địa bàn: 01 thị trấn (thị trấn Tân Phú).
- Số thị trấn đã được công nhận đạt chuẩn văn minh đô thị: 01 thị trấn.
- Tỷ lệ số thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị: 100%.

## **II. VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI Ở CÁC XÃ TRÊN ĐỊA BÀN**

### **1. Công tác lập quy hoạch và tổ chức thực hiện quy hoạch**

- Năm 2013, UBND huyện đã hoàn thành phê duyệt Đồ án quy hoạch, Đề án XDNTM cho 100% các xã XDNTM, cụ thể:

+ Chủ tịch UBND huyện đã phê duyệt Đồ án quy hoạch XDNTM và phê duyệt Đề án XDNTM đối với 10/10 xã <sup>1</sup>.

+ UBND các xã đã công bố, công khai rộng rãi và tiến hành cắm mốc giới theo quy hoạch. 100% xã đã xây dựng quy chế quản lý quy hoạch; rà soát, bổ sung quy hoạch, đáp ứng yêu cầu của Bộ tiêu chí mới và tình hình thực tế, phù hợp với quy hoạch của huyện theo vùng, theo ngành, đảm bảo với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Kế hoạch cơ cấu lại ngành Nông nghiệp; kết hợp XDNTM với đô thị hóa, xây dựng cơ sở hạ tầng...; đã được sự đồng thuận cao của cộng đồng dân cư nông thôn, ấp; phù hợp quy hoạch phát triển, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và XDNTM.

+ Hàng năm, 100% các xã đã rà soát, cập nhật, bổ sung điều chỉnh quy hoạch, Đề án XDNTM xã đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế và các văn bản quy định, hướng dẫn hiện hành, điều kiện thực tế địa phương, đạt được sự đồng thuận cao của cộng đồng dân cư, phù hợp định hướng phát triển, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và XDNTM.

+ Hiện nay, UBND huyện đang thực hiện lập và trình thẩm định, phê duyệt đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện; lập, trình thẩm định điều chỉnh đồ án quy hoạch chung thị trấn Tân Phú đảm bảo phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội và định hướng của tỉnh, huyện và tiến hành điều chỉnh Phụ lục Đề án nông thôn mới các xã theo Bộ tiêu chí mới ban hành của Trung ương, UBND tỉnh. UBND huyện đang tổ chức lập 03 đồ án quy hoạch chung đô thị, gồm: Quy hoạch chung đô thị Tân Tiến, Quy hoạch chung đô thị Tân Lập và Quy hoạch chung đô thị Tân Hòa.

- Đánh giá mức độ đạt tiêu chí: 10/10 xã đạt Tiêu chí số 1 về Quy hoạch.

<sup>1</sup> Quyết định số 3339/QĐ-UBND ngày 06/12/2023 đối với xã Tân Tiến, Quyết định số 3347/QĐ-UBND ngày 06/12/2023 đối với xã Tân Lợi, Quyết định số 1863/QĐ-UBND ngày 01/8/2023 đối với xã Thuận Phú, Quyết định số 2071/QĐ-UBND ngày 23/8/2023 đối với xã Thuận Lợi, Quyết định số 1862/QĐ-UBND ngày 01/8/2023 đối với xã Tân Phước, Quyết định số 3693/QĐ-UBND ngày 25/12/2023 đối với xã Tân Lập, Quyết định số 2047/QĐ-UBND ngày 22/8/2023 đối với xã Tân Hưng, Quyết định số 2042/QĐ-UBND ngày 21/8/2023 đối với xã Tân Hòa, Quyết định số 2078/QĐ-UBND ngày 23/8/2023 đối với xã Đồng Tiến, Quyết định số 2157/QĐ-UBND ngày 04/9/2023 đối với xã Đồng Tâm.

## 2. Xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu

### 2.1. Về Giao thông

- Qua 12 năm triển khai thực hiện Chương trình MTQG XDNTM, đã phát huy sức mạnh tổng hợp các nguồn lực đầu tư bằng nhiều nguồn vốn, từ ngân sách Nhà nước và sự đóng góp của Nhân dân, đến nay, huyện đã đầu tư hoàn thiện hệ thống giao thông nông thôn trên địa bàn (bao gồm các tuyến đường huyện, đường xã, đường thôn/xóm và đường nội đồng, đảm bảo tiêu chí đa dạng các hình thức, kết cấu mặt đường như: Bê tông nhựa, láng nhựa, bê tông xi măng, cấp phối sỏi đỏ). Ngoài ra, với phương châm “*Nhà nước và Nhân dân cùng làm*”, trong đó, tinh hỗ trợ xi măng, huyện hỗ trợ cát, đá và phí vận chuyển xi măng, đã phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, trong đó, người dân nông thôn đã phát huy cao trách nhiệm, quyền lợi, chủ động tham gia tích cực, thực hiện XDNTM, cụ thể:

- Quốc lộ: Có Quốc lộ 14 đi qua địa bàn huyện với chiều dài 23,6 km, từ 2-4 làn xe, mặt đường bê tông nhựa nóng.

- Đường tỉnh (ĐT): Trên địa bàn huyện có 06 tuyến ĐT đi qua, với chiều dài 149,7 km, mặt đường bê tông nhựa, từ 02 đến 6 làn xe, bao gồm: ĐT.741, ĐT.753, ĐT.758, ĐT.753B, ĐT.755 và ĐT.741B đang triển khai theo quy hoạch, được kết nối tới 10/10 xã và kết nối liên thông giữa các đường ĐT với nhau, kết nối với Quốc lộ 14 và kết nối với các đường huyện, đường xã...

- Đối với hệ thống đường giao thông nông thôn, đường huyện (ĐH), đường xã (ĐX), đường thôn/xóm và đường nội đồng do huyện quản lý và đầu tư:

+ Đường huyện (ĐH): Trên địa bàn huyện có 18 tuyến đường huyện hiện hữu, đang khai thác với chiều dài 180,07 km, mặt đường rộng từ 5-7m, kết cấu mặt đường bê tông nhựa 82,54 km, láng nhựa 57,15 km, bê tông xi măng 5,5 km và cấp phối sỏi đỏ 34,88 km, đảm bảo phù hợp với quy hoạch của huyện; đảm bảo kết nối đến 11/11 xã, thị trấn và được bảo trì hàng năm, cụ thể qua 3 năm: Năm 2021, phân bổ vốn sự nghiệp giao thông 64 tỷ (Quyết định số 9657/QĐ-UBND ngày 21/12/2021); Năm 2022, phân bổ vốn sự nghiệp giao thông 35,25 tỷ (Quyết định số 4342/QĐ- UBND ngày 15/8/2022); Năm 2023, phân bổ vốn sự nghiệp giao thông 66,4 tỷ (Quyết định số 2782/QĐ-UBND ngày 03/8/2023). Dọc hai bên đường được trồng nhiều loại cây xanh tạo bóng mát, tạo cảnh quan như: Cây cảnh của người dân, cây hàng rào, cây công trình và các cây công nghiệp (cao su, điều, xả cừ và trà, keo)...

+ Đường xã (ĐX): Gồm 154 tuyến với chiều dài 398,02 km, hiện trạng: đã được thực hiện đầu tư bê tông xi măng, bê tông nhựa, láng nhựa và cấp phối sỏi đỏ đạt 100%, cụ thể: 72,02 km đường bê tông xi măng, 10 km đường bê tông nhựa, 192,333 km đường láng nhựa và 123,67 km đường cấp phối sỏi đỏ, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm.

+ Đường trục thôn/ấp và đường nội đồng (tương đương nội đồng): Gồm có 487 tuyến hiện hữu, đang được khai thác sử dụng với chiều dài 633,293 km; trong đó, đường bê tông xi măng 236,69 km, đường bê tông nhựa 1,7 km, đường

láng nhựa 135,56 km và đường cấp phối sỏi đỏ 259,34 km, đảm bảo ô tô lưu thông thuận tiện quanh năm (trong đó, đường cấp phối sỏi đỏ 100% là đường nội đồng).

+ Đường ngõ xóm/hẻm: Gồm 178 tuyến với chiều dài 245,266 km, đã được thực hiện đầu tư bê tông xi măng và láng nhựa đạt 100%, đảm bảo ô tô lưu thông thuận tiện quanh năm.

+ Đường trục chính nội đồng: Gồm 32 tuyến với chiều dài 66,972 km, hiện trạng: đã được thực hiện đầu tư bê tông xi măng, bê tông nhựa, láng nhựa và cấp phối sỏi đỏ đạt 100%, cụ thể: 20,68 km đường bê tông xi măng, 0 km đường bê tông nhựa; 5,2 km đường láng nhựa, 41,092 km đường cấp phối sỏi; các tuyến đường trục chính nội đồng đạt quy mô nền đường rộng tối thiểu 4 m, mặt đường rộng tối thiểu 3 m, đảm bảo cho xe cơ giới vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm.

+ Ngoài ra, đã đầu tư nâng cấp, sửa chữa 45 cây cầu giao thông nông thôn bằng bê tông cốt thép, kết cấu cơ bản đồng bộ về tải trọng và khổ cầu so với các tuyến đường giao thông nông thôn, đảm bảo cho Nhân dân đi lại, vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm.

Nhìn chung, hệ thống giao thông trên địa bàn huyện đến thời điểm hiện tại đã cơ bản hoàn thiện, đồng bộ, đã đáp ứng tốt nhu cầu vận chuyển hàng hóa và đi lại của Nhân dân. Đặc biệt, xe ô tô lưu thông đến trung tâm xã quanh năm, xe cơ giới lưu thông đến các vùng sản xuất nông nghiệp thuận tiện, dễ dàng.

- Đánh giá mức độ đạt tiêu chí: 10/10 xã đạt Tiêu chí số 2 về Giao thông.

## **2.2. Về Thủy lợi và Phòng, chống thiên tai**

*a) Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 80% trở lên*

- Tổng diện tích đất tự nhiên toàn huyện 93.445,11 ha, trong đó, diện tích cây trồng 56.779,7 ha (cây lâu năm 55.861,7 ha, cây hàng năm 918 ha).

- Về tưới chủ động: Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp cần tưới chủ động 2.186/2.146 ha, đã được tưới chủ động, đạt 100%, bao gồm: cây hồ tiêu 93 ha; cây ăn trái các loại 997,2 ha và 918 ha cây hàng năm.

- Về tiêu chủ động: Đạt 100%, cụ thể: diện tích đất tự nhiên của huyện 93.445,11 ha, trong đó, đất nông nghiệp 85.850,31 ha, đất phi nông nghiệp 7.594,47 ha, đất chưa sử dụng 0,33 ha, đều được tiêu nước chủ động.

- Hệ thống thủy lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp:

+ Trên địa bàn các xã có các hồ: Suối Giai, Tân Hòa, Đồng Xoài, Tân Lợi, Suối Bình, Tân Hưng, Suối Lam. Ngoài ra, còn có các ao, hồ, suối đảm bảo cung cấp nguồn nước phục vụ sản xuất nông nghiệp. Diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt 90% (86.903,95/93.445,11 ha).

+ Hệ thống kênh mương: Do đặc điểm tự nhiên của huyện sản xuất nông nghiệp chủ yếu là cây công nghiệp (cao su, điều) chiếm trên 97%. Tại các xã: Thuận Lợi, Đồng Tiên, Tân Phước, Tân Lập có 03 hệ thống kênh mương dài

21,6 km (kênh Đông 4,8 km, kênh Tây 15 km, hệ thống kênh hồ Suối Giai Tân Lập 1,8 km) phục vụ tưới tiêu cho khoảng 500 ha. Đối với các xã không có hệ thống kênh mương: các hộ dân bơm nước trực tiếp từ sông, suối, ao, hồ hoặc giếng khoan để tưới tiêu.

- Hàng năm, UBND huyện đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn lập kế hoạch cung cấp nước, lịch bơm tưới cho từng cánh đồng cụ thể tại các trạm bơm, đảm bảo cung cấp đủ nước cho Nhân dân sản xuất nông nghiệp. Công tác đầu tư sửa chữa các công trình thủy lợi được huyện đặc biệt quan tâm, việc đầu tư, sửa chữa kịp thời các công trình thủy lợi đã hạn chế phát sinh hư hỏng lớn, đảm bảo an toàn công trình, nâng cao hiệu quả bơm tưới phục vụ sản xuất và giúp các địa phương hoàn thành tiêu chí thủy lợi trong xây dựng nông thôn mới.

Nhìn chung, hệ thống thủy lợi liên xã đồng bộ với hệ thống thủy lợi các xã theo quy hoạch; công tác quản lý, khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn huyện cơ bản đáp ứng tốt nhu cầu nước sản xuất nông nghiệp và sinh hoạt dân sinh. Theo thống kê của huyện hiện có trên 90% diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới, tiêu nước chủ động theo quy định.

*b) Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ)*

- Công tác phòng, chống thiên tai: Được quan tâm triển khai thực hiện tốt. Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn (BCH PCTT và TKCN) huyện và BCH PCTT và TKCN các xã được thành lập, thường xuyên được củng cố, kiện toàn, đảm bảo hoạt động có hiệu quả. Hàng năm, BCH PCTT và TKCN huyện và các xã đều xây dựng phương án, kế hoạch phòng, chống thiên tai và phân công nhiệm vụ, địa bàn phụ trách cho các thành viên BCH PCTT và TKCN để tổ chức thực hiện. Tăng cường tuyên truyền, phổ biến kiến thức về phòng, chống thiên tai cho người dân. Thường xuyên tổ chức tập luyện nhằm nâng cao khả năng cứu hộ và năng lực xử lý tình huống để giảm thiệt hại tối thiểu về tính mạng và tài sản của Nhân dân khi có thiên tai xảy ra.

- Đánh giá mức độ đạt tiêu chí: 10/10 xã đạt Tiêu chí số 3 về Thủy lợi.

### **2.3. Về Điện**

- Trong những năm qua, với sự nỗ lực, quyết tâm của UBND tỉnh, UBND huyện Đồng Phú đã phối hợp với ngành điện tập trung đầu tư, nâng cấp, mở rộng hệ thống lưới điện trung thế và hạ thế nông thôn, đáp ứng nhu cầu người dân.

- Tỷ lệ hộ dân có điện, sử dụng an toàn tăng từ 91,6% năm 2010 lên 99,53% năm 2024 (tăng 7,93% so với năm 2010).

- Tỷ lệ đường bê tông hóa, nhựa hóa có điện đường chiếu sáng đạt 51,73%.

- 100% khu trung tâm xã có điện chiếu sáng, 88% các tuyến trục đường chính áp có điện chiếu sáng công cộng, 91% các tuyến quốc lộ, tỉnh lộ qua địa bàn có hệ thống chiếu sáng.

- Đánh giá mức độ đạt tiêu chí: 10/10 xã đạt Tiêu chí số 4 về Điện.

## 2.4. Về Trường học

- Trên địa bàn huyện có 29 trường công lập (trong đó, 11 Trường Mầm non, 05 trường Tiểu học, 05 trường Trung học cơ sở, 06 trường TH và THCS, 02 trường THPT). Đến ngày 30/12/2022, 12/29 trường đạt chuẩn quốc gia (trong đó, 06/11 trường Mầm non đạt chuẩn (đạt tỷ lệ 54,54%); 01/05 trường Tiểu học đạt chuẩn (đạt tỷ lệ 20%); Trung học cơ sở 04/11 trường đạt chuẩn (đạt tỷ lệ 36,36%); 02/02 trường THPT đạt chuẩn (đạt tỷ lệ 100%); 100% các trường có trang Website, kết nối internet, khu sân chơi, bãi tập có cây bóng mát đảm bảo môi trường xanh, sạch, đẹp, an toàn. 100% các trường có trang Website, kết nối internet, khu sân chơi, bãi tập có cây bóng mát đảm bảo môi trường xanh, sạch, đẹp, an toàn.

- Đánh giá mức độ đạt tiêu chí: 10/10 xã đạt Tiêu chí số 5 về Trường học.

## 2.5. Về Cơ sở vật chất văn hóa

- Về Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã:

+ Hiện nay, 10/10 xã đã có hội trường đa năng phục vụ cho các hoạt động sinh hoạt văn hóa (200-300 chỗ ngồi), được trang bị đầy đủ các thiết chế và trang, thiết bị: quốc hiệu, quốc huy, ma kết trang trí, bàn ghế, tủ, loa đài, âm thanh, ánh sáng... có các phòng chức năng.

+ Trung tâm Văn hóa - Thể thao của các xã được đầu tư, đưa vào sử dụng, đã đáp ứng tốt chức năng nhiều sự kiện quan trọng của xã như: Đại hội Đảng bộ, tổ chức hội nghị, hội thảo, tuyên truyền; tổ chức tốt nhiều hoạt động văn hóa cấp cụm như: Hội thi "Bí thư chi bộ giỏi tuyên truyền xây dựng nông thôn mới", Hội thi "Kể chuyện tám gương đạo đức Hồ Chí Minh", Hội thi "Báo cáo viên giỏi cấp huyện", Hội thi "Tìm hiểu kiến thức gia đình" cấp huyện...

+ 10/10 xã có khu Thể thao diện tích từ 700-1.000 m<sup>2</sup> trở lên, đáp ứng đầy đủ các hoạt động thể dục - thể thao hàng ngày của Nhân dân như: Bóng đá, kéo co, chạy bộ, chạy việt dã, khu vui chơi cho trẻ em...

- Nhà văn hóa - Khu thể thao ấp: 73/73 khu dân cư của các xã đều có sân bóng chuyền và sân cầu lông phục vụ cho Nhân dân trên địa bàn. 73/73 Nhà văn hóa ấp được xây dựng mới, nâng cấp, đáp ứng đủ các điều kiện về sinh hoạt văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao và vui chơi giải trí của Nhân dân trong thôn cũng như thường xuyên tổ chức hoạt động của các loại hình Câu lạc bộ tại ấp như: Câu lạc bộ thể hình, thể dục thẩm mỹ, thể dục dưỡng sinh, võ thuật, tennis ... Hệ thống thiết chế Nhà văn hóa ấp được quan tâm đầu tư, đã góp phần lưu giữ được nhiều vốn văn hóa truyền thống của dân tộc trên địa bàn huyện, tiêu biểu như: Câu lạc bộ "Gia đình Văn hóa", Câu lạc bộ "Gia đình phát triển bền vững", Câu lạc bộ Liên thế hệ, Câu lạc bộ "Văn nghệ truyền thống"... Phòng đọc sách báo tại các Nhà Văn hóa thôn đã duy trì hoạt động thường xuyên với hệ thống sách, báo luôn được luân chuyển mỗi năm từ 100-170 đầu sách, báo từ cấp huyện về địa phương đến các ấp, nên đã thu hút nhiều bạn đọc tham gia.

- Đánh giá mức độ đạt tiêu chí: 10/10 xã đạt Tiêu chí số 6 về Cơ sở vật chất văn hóa.

## **2.6. Về Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn**

- Đến nay, UBND huyện đã đầu tư xây dựng mới và nâng cấp sửa chữa 05 chợ nông thôn (gồm các chợ: Đồng Phú, Tân Lập, Tân Tiến, Thuận Phú, Đồng Tâm), 03 siêu thị (CoopMart, Điện máy xanh, Thẻ giới di động), 05 cửa hàng hệ thống Bách hóa xanh (Tân Lập, Tân Tiến, Đồng Tiến, Thuận Phú và thị trấn Tân Phú), 5.000 cửa hàng bán lẻ. Hệ thống chợ trên địa bàn đều được đầu tư xây dựng kiên cố, đảm bảo đúng quy định về xây dựng chợ; hệ thống chợ, siêu thị, cửa hàng luôn đảm bảo phục vụ cho việc kinh doanh, buôn bán của người dân, thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển.

- Đánh giá mức độ đạt tiêu chí: 10/10 xã đạt Tiêu chí số 7 về Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn.

## **2.7. Về Thông tin và Truyền thông**

- 100% xã có điểm bưu điện, trên 70% hộ dân và cán bộ, công nhân viên nói được truyền internet đến tận nhà, 95% hộ dân có sử dụng điện thoại cố định và di động.

- Có Đài Truyền thanh và Truyền hình huyện; 11 trạm truyền thanh xã, thị trấn; 320 bộ thu không dây (cụm loa) với 640 loa phóng thanh ở khu phố, ấp, đảm bảo thông tin, tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các quy định của địa phương đến người dân.

- Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý điều hành: UBND 10/10 xã đã trang bị đầy đủ máy vi tính cho cán bộ, công chức chuyên môn và các hội đoàn thể; các máy tính đều được kết nối internet. Hiện xã đang sử dụng phần mềm quản lý văn bản do Sở Thông tin và Truyền thông triển khai đảm bảo tiết kiệm thời gian, nhân lực, chi phí. Việc ứng dụng hệ thống quản lý văn bản giúp tiết kiệm thời gian, nhân lực, chi phí in ấn, đi lại gửi văn bản thủ công. Hệ thống một cửa điện tử liên thông có hiệu quả, đảm bảo công khai minh bạch, giảm bớt, rút ngắn thời gian, chi phí đi lại của người dân khi đến thực hiện các thủ tục hành chính.

- Có mạng Wifi miễn phí ở các điểm công cộng (Tiêu chí số 8 nâng cao): Tất cả các điểm công cộng như: UBND xã, nhà văn hóa các thôn, ấp, trạm y tế đều có mạng wifi công cộng miễn phí.

- Đánh giá mức độ đạt tiêu chí: 10/10 xã đạt Tiêu chí số 8 về Thông tin và Truyền thông.

## **2.8. Về Nhà ở dân cư**

- Từ năm 2010 đến nay, thông qua các cuộc vận động Quỹ “Đền ơn, đáp nghĩa”, “Vi người nghèo”, đã hỗ trợ xây mới và nâng cấp, sửa chữa 620 căn nhà cho các hộ nghèo, hộ chính sách với tổng kinh phí 28,03 tỷ đồng. Đến nay, trên địa bàn các xã không còn hộ dân sống trong nhà tạm, nhà dột nát.

- Qua đó, tỷ lệ hộ có nhà đạt tiêu chuẩn theo quy định đạt 97,25% (25.030/25.739 hộ, tăng khoảng 5% so với năm 2010), không còn các trường hợp nhà tạm và dột nát.



- Đánh giá mức độ đạt tiêu chí: 10/10 xã đạt Tiêu chí số 9 về Nhà ở dân cư.

### **3. Phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập cho người dân, giảm nghèo**

#### **3.1. Lĩnh vực nông nghiệp**

- Huyện Đồng Phú được tỉnh định hướng phát triển thành huyện công nghiệp trọng điểm của tỉnh; tuy nhiên, Huyện ủy, UBND huyện vẫn xác định mục tiêu sản xuất nông nghiệp là khâu đột phá trong XDNTM của huyện. Trong những năm qua, sản xuất nông nghiệp trên địa bàn huyện tiếp tục phát triển theo đúng định hướng, sản xuất theo quy mô hàng hóa, tỷ trọng ngành nông nghiệp giảm trong cơ cấu kinh tế nhưng tăng về giá trị với định hướng phát triển cây công nghiệp lâu năm chủ lực là cây cao su; phát triển nhanh diện tích cây ăn trái có giá trị cao và tăng tỷ trọng ngành chăn nuôi trong tổng cơ cấu ngành nông nghiệp. Giá trị sản xuất nông, lâm, thủy sản năm 2024 (theo giá so sánh năm 2010) đạt 4.101,392 tỷ đồng, tăng 44,5% so với năm 2010 (tăng trung bình 4,45%/năm).

- Một số kết quả như sau:

+ Về trồng trọt: Cơ cấu cây trồng được tập trung chuyển đổi sang những loại cây chủ lực, hiệu quả kinh tế cao, phù hợp với quy hoạch sản xuất nông nghiệp của địa phương như cây công nghiệp lâu năm (cao su, hồ tiêu, điều), cây ăn trái, trong đó, diện tích cây cao su, điều và cây ăn trái là chủ lực với tổng diện tích 53.643 ha (96,7% tổng diện tích cây trồng toàn huyện).

+ Về chăn nuôi: Có 92 trang trại đang hoạt động, trong đó, có 53 trang trại chăn nuôi heo, gà; 39 trang trại trồng cây lâu năm, cây ăn trái. Phần nhiều các trang trại chăn nuôi áp dụng công nghệ cao, xử lý, kiểm soát và sử dụng có hiệu quả chất thải chăn nuôi, khẳng định hướng phát triển lâu dài và ổn định. Năm 2020, quy mô đàn gia súc, gia cầm như sau: Tổng đàn trâu, bò 2.819 con, tăng 21,5% so với năm 2010 (2.211 con); tổng đàn heo 109.175 con, tăng 84,78% so với năm 2010 (16.610 con); tổng đàn gia cầm 1.744,14 ngàn con, tăng 53,24% so với năm 2010 (815,7 ngàn con).

Việc gia tăng nhanh các trang trại chăn nuôi heo, gà tập trung, sử dụng giống mới, được chăm sóc, phòng bệnh theo quy trình kỹ thuật, đã góp phần chuyển dịch cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng tăng tỷ trọng ngành chăn nuôi, mang lại nguồn thu nhập cao cho người nông dân; nhiều trang trại chăn nuôi gia súc, gia cầm áp dụng phương thức chăn nuôi chuồng lạnh, đảm bảo hạn chế dịch bệnh, nâng cao hiệu quả trong quá trình chăn nuôi. Ngoài ra, trên địa bàn huyện có 03 điểm giết mổ tập trung, đều được kiểm soát thú y và kiểm tra, giám sát chặt chẽ của Đội kiểm tra liên ngành cấp huyện và địa phương nên công tác kiểm soát giết mổ cơ bản đảm bảo an toàn thực phẩm trong giết mổ và lưu thông sản phẩm sau giết mổ.

+ Ứng dụng khoa học kỹ thuật trong sản xuất nông nghiệp: Hiện có nhiều trang trại, hộ gia đình có ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp như: sử dụng hệ thống tưới tiết kiệm, trồng dưa lưới, rau trong hệ thống nhà lưới, chăn nuôi heo, gà bằng hệ thống chuồng trại khép kín, các mô hình được đánh giá là mô hình sản xuất nông nghiệp mang lại hiệu quả kinh tế cao. Đến

nay, tổng diện tích tưới tiên tiến, tiết kiệm trên các loại cây trồng trên địa bàn huyện là 1.050 ha, chủ yếu là cây ăn trái. Tổng diện tích cây trồng trong nhà lưới 45 ha (chủ yếu là trồng rau, dưa lưới). Có 53 trang trại chăn nuôi áp dụng chăn nuôi trong hệ thống chuồng trại hiện đại. Các hợp tác xã (HTX), tổ hợp tác, trang trại ứng dụng cơ giới hóa, tự động hóa trong sản xuất (bón phân, tưới nước), xử lý ra hoa trái vụ trên các loại cây trồng để đảm bảo cung ứng sản phẩm, đáp ứng nhu cầu thị trường theo mùa vụ khác nhau trong năm, góp phần nâng cao thu nhập của người dân (chủ yếu tập trung trên các loại cây ăn trái như: bưởi, cam, quýt, sầu riêng...).

### **3.2. Lĩnh vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề, dịch vụ**

+ Về công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp: trên địa bàn huyện hiện có 02 khu công nghiệp (KCN) và 04 cụm công nghiệp đang hoạt động (KCN Bắc Đồng Phú, KCN Nam Đồng Phú, Cụm công nghiệp Hà My, Cụm công nghiệp Tân Tiến 1, Cụm công nghiệp Tân Tiến 2, Cụm công nghiệp Thuận Phú), các khu, cụm công nghiệp này đã thu hút đầu tư đạt tỷ lệ lấp đầy là 100%. Ngoài ra, UBND tỉnh đang triển khai quy hoạch chung các KCN Đông Nam Đồng Phú với diện tích khoảng 4.196 ha; đang đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật 03 cụm công nghiệp (Cụm công nghiệp Tân Tiến 1, Cụm công nghiệp Tân Tiến 2; Cụm công nghiệp tại thị trấn Tân Phú) với diện tích 171,49 ha; triển khai mở rộng quy hoạch KCN Bắc Đồng Phú, KCN Nam Đồng Phú với diện tích 779 ha. Qua đó, không những tạo việc làm cho lao động địa phương mà còn thu hút lực lượng lao động dồi dào ở các tỉnh trong cả nước; góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế huyện.

+ Phát triển thương mại - dịch vụ: Hiện có 7.570 doanh nghiệp thương mại - dịch vụ, hộ kinh doanh cá thể đang hoạt động. Giá trị sản xuất ngành dịch vụ đạt mức tăng trưởng bình quân 11,07%/năm. Các chợ, cửa hàng tiện lợi, cửa hàng Bách hóa xanh... đáp ứng được nhu cầu mua sắm, trao đổi hàng hóa tiêu dùng của dân cư trên địa bàn. Trong những năm qua, đã thực hiện có hiệu quả các Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”, các hình thức chợ phiên, “Hàng Việt về nông thôn”; “Phiên chợ công nhân”...

+ Về hoạt động tín dụng: Các Ngân hàng như: Ngân hàng Agribank chi nhánh huyện Đồng Phú, Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Đồng Phú, Ngân hàng Công Thương Việt Nam (Viettin Bank), Ngân hàng Đầu tư và Phát triển (BIDV)... đã cung cấp các hoạt động tín dụng, đẩy mạnh lưu thông nguồn vốn trên thị trường, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Tính đến nay, các ngân hàng đã cho vay khoảng 1.200 tỷ đồng.

### **3.3. Thu nhập**

- Thu nhập bình quân đầu người năm 2010 đạt 13,6 triệu đồng/người một năm; năm 2023 đạt 62,17 triệu đồng/người một năm (tăng 4,57 lần so với năm 2010).

- Đánh giá mức độ đạt tiêu chí: 10/10 xã đạt Tiêu chí số 10 về Thu nhập.

### **3.4. Hộ nghèo**

- Thực hiện Chương trình MTQG XDNTM, thông qua các dự án, mô hình phát triển sản xuất, đặc biệt là mô hình hỗ trợ giống bò Laisind cho các hộ nghèo (từ nguồn vốn phát triển sản xuất nông thôn mới) đã góp phần giảm nghèo nhanh. Công tác chăm lo đời sống cho hộ nghèo, đặc biệt là hộ nghèo dân tộc thiểu số được quan tâm.

- Tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn huyện theo chuẩn mới đến tháng 3/2024 còn 0,1% (giảm 7,4% so với năm 2010 (năm 2010 là 7,5%)).

- Đánh giá mức độ đạt tiêu chí: 10/10 xã đạt Tiêu chí số 11 về Hộ nghèo.

### **3.5. Lao động**

- Trong những năm qua, UBND huyện luôn quan tâm đến giải quyết việc làm cho người dân nông thôn, tạo mọi điều kiện thuận lợi trong việc nâng cao tỷ lệ lao động có việc làm. Bên cạnh đó, các chương trình giảm nghèo, đào tạo nghề được triển khai góp phần nâng cao tỷ lệ lao động có việc làm thường xuyên, ổn định cuộc sống, góp phần đưa tỷ lệ lao động qua đào tạo huyện đạt 80%; tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 30%.

- Đánh giá mức độ đạt tiêu chí: 10/10 xã đạt Tiêu chí số 12 về Lao động có việc làm.

### **3.6. Tổ chức sản xuất**

- Về phát triển kinh tế tập thể:

+ Có 92 trang trại theo tiêu chí mới, thu nhập bình quân một trang trại từ 700 triệu - 2 tỷ đồng/năm.

+ Đã thành lập 01 HTX chăn nuôi gia súc, gia cầm; 12 HTX hoạt động trong lĩnh vực trồng trọt - cây ăn trái và 01 HTX hoạt động trong lĩnh vực vận tải, thu nhập bình quân lao động từ 8 - 12 triệu đồng/người hàng tháng, gồm: HTX Thành Công, HTX Dân Sinh, HTX Thành Tiến, HTX Bình Phước, HTX Hưng Phát, HTX Thành Phương, HTX Vận Tải Vạn Phúc, HTX Phúc Lộc Thọ, HTX SX-TM-DV Cao Đình Lăng Bình Phước, HTX SX-DV-TM Đồng Phú, HTX Điều hữu cơ Tân Lợi, HTX SX-TM-DV Nông - Lâm nghiệp Thịnh Phát.

+ Đã hình thành mô hình sản xuất theo hướng liên kết như: các trang trại chăn nuôi tập trung ký kết đầu ra sản phẩm với các Công ty: CP, CJ, Japfa; mô hình sản xuất đạt chuẩn VietGAP, HTX trồng cây ăn trái, HTX trồng rau theo tiêu chuẩn VietGAP có ký kết hợp đồng với cơ sở thu mua.

+ Với nguồn vốn phát triển sản xuất được ngân sách Nhà nước hỗ trợ từ năm 2010 đến nay, toàn huyện đã thực hiện 38 dự án phát triển sản xuất, hỗ trợ 391 hộ. Đến nay, huyện có 10/10 xã đạt tiêu chí tổ chức sản xuất.

- Về Chương trình Mỗi xã một sản phẩm OCOP: 09 sản phẩm cấp chúng nhận sản phẩm OCOP đạt 3, 4 sao và có sản phẩm OCOP 5 sao đầu tiên của tỉnh.

- Các xã đều xây dựng mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm đảm bảo bền vững đối với sản phẩm trồng trọt như: Trồng cây ăn trái, tiêu, điều và một số cây trồng khác... đối với chăn nuôi ký sản phẩm đầu ra đối với heo, gia cầm.

- Đối với các sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi được các doanh nghiệp, HTX và nông dân thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã gắn với xây dựng vùng nguyên liệu và được chứng nhận VietGap hoặc tương đương.

- Huyện có Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện hoạt động chuyên giao khoa học, kỹ thuật cho nông dân; các xã đều thành lập Tổ khuyến nông công cộng hoạt động hiệu quả.

- Đánh giá mức độ đạt tiêu chí: 10/10 xã đạt Tiêu chí số 13 về Tổ chức sản xuất.

#### **4. Về phát triển giáo dục, y tế, văn hóa và bảo vệ môi trường**

##### **4.1. Về Giáo dục và Đào tạo**

- Đến nay, các xã đã đạt chuẩn về phổ cập mầm non cho trẻ dưới 5 tuổi, xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, phổ cập giáo dục Trung học cơ sở; tỷ lệ học sinh tốt nghiệp Trung học cơ sở được tiếp tục học Trung học (phổ thông, bổ túc, học nghề) đạt 93,24%.

- Đánh giá mức độ đạt tiêu chí: 10/10 xã đạt Tiêu chí số 14 về Giáo dục và Đào tạo.

##### **4.2. Về Y tế**

- Công tác khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe cho Nhân dân được bảo đảm, chất lượng ngày càng được nâng cao và đạt chuẩn theo quy định. 10/10 xã đều có bác sỹ khám, chữa bệnh. Hàng năm số lượt người khám chữa bệnh đạt trên 49.000 lượt.

- 10/10 xã được công nhận Trạm Y tế đạt chuẩn theo Bộ tiêu chí quốc gia về Trạm Y tế xã.

- Tỷ lệ người dân tham gia các hình thức bảo hiểm y tế đạt 92,71% (tăng 48,4% so với năm 2010).

- Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng dưới 05 tuổi giảm còn 9,5% (giảm 12,7% so với năm 2010).

- Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử đạt 70%: Đạt yêu cầu tiêu chí đề ra.

- 100% xã đạt các tiêu chí quốc gia về y tế và có bác sỹ công tác tại trạm y tế; 100% các trạm y tế xã đều được xây mới và nâng cấp sửa chữa mở rộng, mua sắm bổ sung trang thiết bị thiết yếu và trang thiết bị y học cổ truyền đảm bảo nhu cầu cơ bản chăm sóc, bảo vệ nâng cao sức khỏe ban đầu cho người dân. Công tác xã hội hóa y tế được đẩy mạnh có nhiều cơ sở hành nghề y, được tư nhân được thành lập trên địa bàn huyện.

- Đánh giá mức độ đạt tiêu chí: 10/10 xã đạt Tiêu chí số 15 về Y tế.

##### **4.3. Về Văn hóa**

- Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” gắn với phong trào XDNTM, xây dựng ấp văn hóa, gia đình văn hóa được tích cực triển

khai thực hiện, góp phần nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân nông thôn. 100% khu dân cư (73/73 khu dân cư) trên địa bàn các xã đã xây dựng quy ước, hương ước của ấp; thực hiện nếp sống văn minh; giữ gìn đoàn kết; xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh gắn với XDNTM, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, tạo niềm tin trong Nhân dân.

- Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” và cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” gắn với XDNTM, góp phần xây dựng đời sống văn hóa vì sự phát triển bền vững của xã hội, khối đại đoàn kết toàn dân được củng cố và phát huy, các tệ nạn xã hội từng bước được đẩy lùi, bản sắc văn hóa dân tộc được giữ vững. Các hộ dân đăng ký và cam kết thực hiện gia đình văn hóa theo tiêu chí nông thôn mới. Kết quả: trên 91,3% hộ dân ở các xã đạt gia đình văn hoá.

- Thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội đã được thực hiện nghiêm túc. Kết quả như sau:

+ Về việc cưới: Đã thực hiện tốt nếp sống văn minh trong việc cưới, nhiều đơn vị đã vận động tốt công tác tổ chức cưới tại Nhà văn hóa thôn; không ăn uống linh đình kéo dài, không hút thuốc lá...

+ Về việc tang: Được thực hiện đúng quy định, khi có người chết, trường hợp chết do có bệnh truyền nhiễm đã được tổ chức an táng ngay, các hủ tục lạc hậu đã được xóa bỏ. Việc dùng hình thức hỏa táng trong đám tang đang được nhân rộng.

+ Về lễ hội: Lễ hội truyền thống trên địa bàn huyện được duy trì thường xuyên như: Tết Chol Chnăm Thmây (dân tộc Khmer), Lễ hội Ramadan (dân tộc Chăm), lễ hội Mừng lúa mới (dân tộc S'tiêng), Tết Thanh minh (dân tộc Tày, Nùng); các hội do khu dân cư tổ chức vào dịp Tết Nguyên đán tạo sân chơi lành mạnh cho cộng đồng dân cư, bảo tồn một số trò chơi dân gian như: Hội vui xuân của đồng bào Tày, Nùng ấp Phước Tân, xã Tân Phước (hàng năm đều duy trì tổ chức), một số ấp của xã Tân Hưng, Tân Lợi, Tân Hòa, Đồng Tiến với các môn như: Ném còn, lầy cỏ, bóng chuyền, bóng đá, cà kheo, nháy bao bố, kéo co, các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, đánh cồng chiêng,... Các Lễ hội đã được chính quyền và Nhân dân địa phương tổ chức đúng nghi lễ truyền thống, có phần lễ và phần hội, an ninh, trật tự được đảm bảo, không có tình trạng đồng bóng, bói toán... Tổ chức tốt việc hướng dẫn Nhân dân và du khách tham gia các lễ hội thực hiện đúng nếp sống văn minh trong lễ hội.

- Với những kết quả đạt được, nhiều xã trên địa bàn huyện đã được UBND tỉnh tặng Bằng khen và Cờ thi đua, Giám đốc Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch, UBND huyện tặng Giấy khen, trong đó, nhiều đơn vị nhiều năm liên tục được tặng Giấy khen, Bằng khen.

- Đánh giá mức độ đạt tiêu chí: 10/10 xã đạt Tiêu chí số 16 về Văn hóa.

#### **4.4. Về Môi trường và An toàn thực phẩm**

- *Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy định:* Đến nay, tỷ lệ hộ dân nông thôn sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt 99% (tăng 15,2% so với năm 2010), số hộ sử dụng nước sạch là 17.488/25.739 hộ (67,94%).

- *Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường:* Trên địa bàn huyện có 400 cơ sở sản xuất và hộ kinh doanh cá thể (cấp tỉnh quản lý 19 cơ sở; cấp huyện quản lý 76 cơ sở; cấp xã quản lý 285 cơ sở); trong đó, có 200 cơ sở sản xuất (bao gồm các cơ sở sản xuất hoạt động trong KCN Bắc Đồng Phú và Nam Đồng Phú và Cụm công nghiệp Hà My) đã thực hiện lập hồ sơ, thủ tục về bảo vệ môi trường theo quy định. Các cơ sở sản xuất kinh doanh, các hộ đã cơ bản chấp hành các quy định về bảo vệ môi trường theo quy định, đã tiến hành đăng ký và cam kết thực hiện theo quy định.

- *Cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn; không để xảy ra tồn đọng nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư tập trung:*

+ Công tác quản lý môi trường có chuyển biến tích cực. Các xã đã thành lập các tổ thu gom rác thải tập trung về địa điểm tập kết và được đưa đi xử lý để đảm bảo vệ sinh môi trường. Chính trang hàng rào, trồng cây xanh bóng mát. Hàng tháng, huy động trên 4.300 lượt người ở các cơ quan, đơn vị và người dân tham gia tổng vệ sinh môi trường; tổ chức chính trang và phát quang trên các trục đường giao thông nông thôn. Toàn huyện đã trồng được trên 82,3 km đường hoa dọc các trục đường xã, đường thôn và liên thôn, trồng 5.180 cây bóng mát, tạo cảnh quan thông thoáng, sáng, xanh, sạch, đẹp. Trên địa bàn các xã đã có các mô hình thu gom, xử lý rác thải: Mô hình “thu gom rác bằng xe ba gác” đảm bảo các khu dân cư được thu gom rác tận nơi; mô hình “thùng rác tự quản” đảm bảo các hộ gia đình bỏ rác đúng nơi quy định; mô hình “Phân loại và xử lý rác thải” ; mô hình “Khu dân cư không rác thải”...

+ Ngoài ra, đã triển khai thực hiện xây dựng 10 trạm trung chuyển rác thải sinh hoạt; trang bị 20 xe đẩy tay thu gom rác và 150 thùng phân loại rác tại nguồn thuộc mô hình “thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải nông thôn” cho các xã Tân Tiến, Tân Lập, Tân Phước, Đồng Tiến, Đồng Tâm, Thuận Phú, Thuận Lợi và thị trấn Tân Phú với tổng kinh phí 760 triệu đồng.

- *Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn ( $\geq 2$  m<sup>2</sup>/người):* có 82.021 nhân khẩu/201.500 m<sup>2</sup> cây xanh, đạt 2,45 m<sup>2</sup>/người.

- *Mai táng, hỏa táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch:* Nghĩa trang, quy hoạch và quản lý theo quy hoạch: UBND huyện đã quy hoạch Nghĩa trang Nhân dân huyện tại xã Tân Hưng với quy mô 28, , hiện nhà đầu tư đang triển khai xây dựng các hạng mục theo Đồ án (đạt khoảng 60%) dự án phê duyệt; 10/10 xã, đều được quy hoạch nghĩa trang, trong đó có 02/10 xã có quy hoạch chi tiết gồm: Nghĩa trang xã Thuận Phú 2,3 ha và nghĩa trang xã Tân Lập 8,3 ha. Công tác quản lý nghĩa trang theo quy hoạch được đảm bảo, việc mai táng và an táng đều được thực hiện theo quy định pháp luật, đảm bảo phù hợp với tín ngưỡng, phong tục, tập quán, truyền thống văn hóa và nếp sống văn minh của người dân, các nghĩa trang đều có quy chế quản lý.

- Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom xử lý theo quy định:

+ Thu gom và xử lý chất thải rắn: Công tác thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt: Năm 2022, tổng khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trên địa bàn huyện khoảng 12.648 tấn. Hiện đã giao cho UBND các xã, thị trấn thu gom rác thải sinh hoạt (các trường hợp thu gom đều là xã hội hóa), việc thu gom rác thải sinh hoạt (02 lần/ngày, vào lúc 06 giờ sáng và 18 giờ chiều) được thực hiện tại 10/10 xã, 01 thị trấn có dân cư tập trung và giao thông thuận lợi, rác sinh hoạt được thu gom vận chuyển tập kết về các bãi rác của xã, thị trấn. Ngoài ra, việc thu gom rác thải đối với các hộ dân ở dọc các tuyến đường ĐT741, bố trí những điểm tập kết rác thải phù hợp để thuận tiện cho việc bỏ rác của người dân, cụ thể: trên tuyến đường ĐT741 bố trí 110 thùng rác 03 ngăn có nắp đậy tại các địa điểm công cộng: trường học, cơ quan, nhà văn hóa ấp, sóc, các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ để phục vụ công tác phân loại rác, bỏ rác và thu gom rác thải đảm bảo vệ sinh môi trường, sau đó Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển Công nghệ môi trường Bình Phước tiến hành thu gom để xử lý (do UBND huyện hợp đồng với Công ty). Các khu vực dân cư sống rải rác chưa có đơn vị thu gom, các hộ dân tự thu gom xử lý bằng biện pháp đốt hoặc chôn lấp tại nhà. Đối với các khu dân cư, điểm dân cư, khu vực tập kết rác sinh hoạt đã trang bị thùng chứa rác và hướng dẫn hộ dân tự phân loại rác tại nguồn, tận dụng triệt để rác hữu cơ để làm phân bón.

+ Công tác thu gom, xử lý rác thải tại bãi rác: Tăng cường xử lý bằng chế phẩm sinh học để hạn chế mùi hôi và diệt côn trùng, nhất là trong thời điểm giao mùa. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của chính quyền địa phương và cơ quan chức năng trong việc yêu cầu đơn vị thu gom, vận chuyển xử lý rác đúng quy trình kỹ thuật, đảm bảo vệ sinh môi trường.

+ Công tác thu gom xử lý đối chất thải rắn công nghiệp và nguy hại tại các KCN trên địa bàn huyện: UBND huyện đã có Công văn số 469/UBND-KT ngày 06/3/2020 về việc chấp thuận điểm tập kết chất thải rắn nguy hại tại ấp Suối Đồi xã Tân Hưng với diện tích 10.577,6m<sup>2</sup>. Do đó, đã giảm tải được khối lượng rác thải công nghiệp và chất thải nguy hại phát sinh trong và ngoài KCN; đồng thời, đã giảm thiểu tác động đến môi trường của lượng rác thải này. Công tác quản lý nguồn nước thải, chất thải tại các khu, cụm công nghiệp, đảm bảo tiêu chuẩn xả thải trước khi thải ra môi trường, quy hoạch khu xử lý chất thải rắn cho huyện.

+ Đối với các hộ gia đình ở vùng sâu, vùng xa, tuyến thu gom chất thải rắn sinh hoạt chưa thể tiếp cận, UBND huyện chỉ đạo các xã hướng dẫn tổ chức thực hiện cam kết bảo vệ môi trường đến từng hộ dân, trong đó, hướng dẫn phương pháp tự xử lý và quy trình tự xử lý để người dân tự thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại nhà. Đối với phương tiện thu gom, vận chuyển: Các đơn vị thu gom rác đã bố trí phương tiện thu gom theo quy định. Đối với các xã thuộc vùng sâu, vùng xa, tuyến đường thu gom khó khăn, các đơn vị thu gom rác thải sử dụng phương tiện (xe máy cày; xe ba gác máy...) để thu gom, đưa về

các địa điểm trung chuyển phù hợp và được xã thu gom đưa về bờ rác tập trung của xã và đưa đi xử lý.

Nhìn chung, đến nay, tỷ lệ thu gom, xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện đạt khoảng 80%. 100% tỷ lệ chất thải rắn y tế, chất thải nguy hại từ bao bì thuốc bảo vệ thực vật được thu gom, xử lý. Tuy nhiên, một số đơn vị thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt và chất thải nguy hại thực hiện chưa nghiêm túc, chưa chấp hành các quy định về bảo vệ môi trường, vẫn còn tình trạng thu gom, xử lý chất thải không đảm bảo quy định, gây phát sinh mùi hôi, ảnh hưởng đến môi trường và đời sống người dân xung quanh khu vực. Sở Tài nguyên và Môi trường đã phối hợp các ngành nhắc nhở các chủ cơ sở chấp hành nghiêm công tác bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động; đã tuyên truyền, vận động, hỗ trợ và nghiêm khắc xử lý vi phạm nên các cơ sở thu gom, xử lý chất thải đã nâng cao nhận thức và chấp hành nghiêm các quy định về bảo vệ môi trường.

*- Thu gom và xử lý nước thải:*

+ Công tác thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt: Trên địa bàn huyện chưa có hệ thống thu gom xử lý nước thải sinh hoạt tập trung để thu gom xử lý nước thải từ các hộ dân; các hộ dân tự đầu tư xây dựng công trình bể tự hoại để xử lý nước thải phát sinh.

+ Công tác thu gom, xử lý chai lọ, bao gói thuốc bảo vệ thực vật đã qua sử dụng: hiện nay khối lượng bao gói thuốc bảo vệ thực vật, phụ phẩm từ sản xuất nông nghiệp hàng năm phát sinh khoảng 1.125 kg, được thu gom và xử lý theo quy định (UBND huyện đã lắp đặt các bể thu gom bằng vật liệu bê tông cốt thép, có khả năng chống thấm, không thấm thấu chất thải ra bên ngoài với 30 bể), hàng năm thực hiện 02 đợt thu gom (vào tháng 6 và tháng 12), đã hợp đồng với Công ty Cổ phần Môi trường Bình Phước có chức năng thu gom, vận chuyển chai lọ, bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng đưa về nhà máy xử lý theo đúng quy định, đảm bảo vệ sinh môi trường.

+ Về rác thải y tế: Rác thải y tế được Trung tâm Y tế huyện và các phòng khám tư nhân hợp đồng với các đơn vị có chức năng thực hiện việc thu gom, phân loại, vận chuyển, xử lý đúng theo quy định tại Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT ngày 31/12/2015 của liên Bộ Y tế và Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải y tế.

*- Tỷ lệ bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng và chất thải rắn y tế được thu gom, xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường:*

+ Tại các điểm sản xuất, các xã trang bị các thùng chứa bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng theo quy định về chất thải rắn.

+ Trung tâm y tế huyện, các trạm y tế xã và cơ sở khám chữa bệnh trên địa bàn huyện đều thực hiện nghiêm việc thu gom, xử lý đối với các chất thải rắn phát sinh trong quá trình khám, điều trị bệnh cho người dân, đảm bảo theo quy định tại Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT ngày 31/12/2015 quy định về quản lý chất thải y tế.



+ Đến nay, tỷ lệ thu gom, xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng và chất thải rắn y tế được thu gom, xử lý đạt 100% đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

- *Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch*: Tỷ lệ hộ dân nông thôn có nhà tiêu, nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch đạt 96,8% (tăng 56,8% so với năm 2010). Tỷ lệ trường học, trạm Y tế có nước sạch và nhà tiêu hợp vệ sinh đạt 100%, về cơ bản đảm bảo 3 sạch theo mức quy định của vùng.

- *Tỷ lệ các cơ sở chăn nuôi đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ sinh môi trường*:

+ Trên địa bàn huyện có 63 trang trại chăn nuôi (16 trang trại nuôi gia cầm, 47 trang trại nuôi heo) và khoảng 2.000 hộ gia đình chăn nuôi nông hộ. Chất thải trong chăn nuôi được xử lý chủ yếu qua hầm biogas, đệm lót sinh học, các chế phẩm xử lý ô nhiễm môi trường đã giảm thiểu ô nhiễm môi trường và lợi ích kinh tế.

+ Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường đạt 100% (tăng 52,1% so với năm 2010). Tỷ lệ cơ sở sản xuất kinh doanh nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường đạt 100%.

- *Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm*:

+ Công tác quản lý an toàn thực phẩm được tăng cường kiểm tra và thường xuyên tuyên truyền tạo sự chuyển biến rõ nét về nhận thức và hành động cho người quản lý, sản xuất kinh doanh và người tiêu dùng trong việc thực hiện các quy định của Nhà nước, góp phần bảo vệ sức khỏe người tiêu dùng, phát triển kinh tế - xã hội.

+ Tổng số hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm: Có 560/560 hộ, đạt 100%.

- *Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn*: Có trên 30% hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại các hộ gia đình.

- *Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định*: Có trên 65% tỷ lệ chất thải nhựa được thu gom xử lý theo quy định.

- Đánh giá mức độ đạt tiêu chí: 10/10 xã đạt Tiêu chí số 17 về Môi trường và An toàn thực phẩm.

## **5. Về xây dựng hệ thống tổ chức chính trị xã hội vững mạnh và gìn giữ an ninh, trật tự xã hội**

### **5.1. Về Hệ thống chính trị và Tiếp cận pháp luật**

- Hệ thống chính trị được củng cố, kiện toàn. 100% cán bộ lãnh đạo và công chức xã đạt chuẩn theo quy định. Đội ngũ cán bộ chủ chốt (Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐND - UBND) các xã đều có trình độ Đại học và

100% đạt chuẩn về lý luận chính trị; cán bộ chuyên trách các xã cơ bản đạt chuẩn.

- Các xã có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định như: Đảng ủy, HĐND, UBND, Ủy ban MTTQVN, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Đoàn TNCS HCM, Hội Cựu Chiến binh, Hội Nông dân. Đối với các ấp có đủ tổ chức gồm: Chi bộ, Trưởng ấp và Phó Trưởng ấp, Ban công tác Mặt trận, Chi đoàn Thanh niên, Chi hội Phụ nữ, Chi hội Nông dân, Chi hội Cựu chiến binh. Hàng năm, các tổ chức đoàn thể chính trị của xã đều đạt danh hiệu tiên tiến trở lên. Đảng ủy, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn trong sạch, vững mạnh.

- 100% các xã đều đạt chuẩn tiếp cận pháp luật và được Chủ tịch UBND huyện ban hành Quyết định công nhận.

- Có 10 xã đạt tỷ lệ nữ trong cấp ủy đạt chuẩn theo quy định (từ 15% trở lên); 100% xã có phụ nữ thuộc hộ nghèo, phụ nữ khuyết tật được tạo điều kiện vay vốn ưu đãi từ chương trình; không phát hiện các trường hợp tảo hôn, cưỡng ép kết hôn, bạo lực gia đình. 100% số xã, thị trấn đều có các chuyên mục tuyên truyền về bình đẳng giới trên hệ thống truyền thanh xã, bình quân từ 02 chuyên mục/tháng trở lên. 100% số xã, thị trấn đều có quyết định thành lập hoặc công nhận địa chỉ tin cậy, nhà tạm lánh tại cộng đồng đặt tại Trạm Y tế đảm bảo theo quy định. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình, bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội.

- 10/10 xã đề được triển khai tập huấn, tham gia hội nghị trực tiếp, trực tuyến về các nội dung liên quan đến Chương trình MTQG XDNTM.

- 100% các xã có kế hoạch và triển khai kế hoạch bồi dưỡng kiến thức về XDNTM cho người dân, đào tạo nâng cao năng lực cộng đồng gắn với nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Phát triển thôn.

- Đánh giá mức độ đạt tiêu chí: 10/10 xã đạt Tiêu chí số 18 về Hệ thống chính trị và Tiếp cận pháp luật.

## **5.2. Về Quốc phòng - An ninh**

- *Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng.*

+ Xây dựng, triển khai đầy đủ các kế hoạch theo quy định của Thông tư số 43/2020/TT-BQP ngày 23/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định chế độ sẵn sàng chiến đấu và kế hoạch về dân quân tự vệ.

+ Tổ chức, biên chế đơn vị Dân quân tự vệ quy định tại Thông tư số 77/2020/TT-BQP ngày 23/6/2020 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định thực hiện một số điều của Luật Dân quân tự vệ về tổ chức, xây dựng lực lượng Dân quân tự vệ; Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Dân quân tự vệ về tổ chức xây dựng lực lượng và chế độ, chính sách đối với Dân quân tự vệ.

+ Ban Chỉ huy Quân sự (CHQS) các xã, thị trấn đều có trụ sở làm việc riêng và trang, thiết bị cơ bản đảm bảo theo quy định. Chỉ huy trưởng là thành

viên UBND xã; Chỉ huy phó, Chính trị viên, Chính trị viên phó là cán bộ kiêm nhiệm. Chỉ huy trưởng, Chỉ huy phó được đào tạo đạt chuẩn quy định, hàng năm, được tham gia tập huấn, bồi dưỡng về chính trị, quân sự, pháp luật và nghiệp vụ chuyên môn.

+ Chế độ, chính sách: Cán bộ Ban CHQS xã được hưởng phụ cấp thâm niên, phụ cấp quản lý đơn vị. Chỉ huy trưởng, Chỉ huy phó Ban CHQS xã được hưởng các chế độ chính sách theo quy định. Chất lượng chính trị: Tỷ lệ Đảng viên trong lực lượng Dân quân tự vệ đạt 22,85%; cán bộ áp đội trưởng, trung đội Dân quân cơ động, tiểu đội trưởng Dân quân thường trực có đảng viên, đoàn viên trong Dân quân tự vệ đạt 62,25%. Chi bộ Quân sự có cấp ủy; đại đội, trung đội dân quân cơ động có tổ đảng; tiểu đội Dân quân thường trực có đảng viên; 100% Chỉ huy trưởng Ban CHQS xã tham gia cấp ủy và ủy viên UBND cùng cấp.

+ Hàng năm, 100% đơn vị Dân quân tự vệ được tổ chức giáo dục chính trị, pháp luật và huấn luyện quân sự đặc biệt, quản lý, sử dụng thành thạo các loại vũ khí trang bị, công cụ hỗ trợ theo phân cấp, quân số đạt trên 90% tổng số Dân quân tự vệ, nâng cao khả năng sẵn sàng chiến đấu và phục vụ chiến đấu, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ quốc phòng, an ninh trong tình hình mới, thực sự là lực lượng chính trị tin cậy, lực lượng nòng cốt bảo vệ Đảng, chính quyền, tính mạng tài sản của Nhân dân.

+ Hoàn thành các chỉ tiêu về quốc phòng: Tuyên truyền, vận động và triển khai thực hiện tốt công tác tuyển sinh quân sự; 10/10 xã, thị trấn hoàn thành 100% chỉ tiêu tuyển chọn gọi công dân nhập ngũ hàng năm theo chỉ tiêu giao; đảm bảo 100% quân nhân hoàn thành nghĩa vụ quân sự về địa phương được đăng ký quân dự bị và quản lý theo quy định; 100% quân nhân dự bị động viên và phương tiện kỹ thuật được đăng ký, quản lý, sẵn sàng động viên khi có lệnh. Hàng năm, tổ chức thực hiện tốt trình tự, thủ tục công tác đăng ký, quản lý công dân trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ; công dân nam trong độ tuổi sẵn sàng nhập ngũ, đăng ký nghĩa vụ quân sự và lập danh sách báo cáo Ban CHQS huyện theo quy định...

+ Ban CHQS xã, thị trấn thường xuyên phối hợp với Công an xã, thị trấn và các cơ quan chức năng có liên quan trong thực hiện Nghị định số 02/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ về hoạt động phối hợp Dân quân tự vệ; Nghị định số 03/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ về việc phối hợp giữa Bộ Công an và Bộ Quốc phòng trong thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm và nhiệm vụ quốc phòng đúng theo kế hoạch phối hợp đã ký kết.

*- Xã đạt chuẩn an toàn về an ninh, trật tự xã hội*

+ Trên địa bàn các xã, trong những năm qua, tình hình an ninh chính trị được giữ vững, ổn định; không phát sinh khiếu kiện đông người kéo dài và hình thành điểm nóng về an ninh trật tự; lực lượng công an quản lý tốt địa bàn, đối tượng, chủ động tham mưu xử lý các vụ việc phức tạp về an ninh trật tự, các vụ án được dư luận xã hội quan tâm, bảo đảm đúng người, đúng tội và đúng pháp

luật; tội phạm và tệ nạn xã hội (trộm cắp, ma túy, cờ bạc, nghiện hút...) được kiểm chế, năm sau thấp hơn năm trước...

+ Các xã đã thực hiện tốt cuộc vận động “Vì bình yên cuộc sống, từng người, từng nhà từng cơ quan đơn vị hãy làm nhiều việc tốt về an ninh trật tự (ANTT)”, xây dựng khu dân cư an toàn về ANTT, xây dựng các mô hình tự quản về ANTT ở khu dân cư. Các mô hình tự quản về ANTT được UBND các xã xây dựng và hoạt động có hiệu quả như: Đội phòng, chống tội phạm do công an xã làm chỉ huy...; UBND huyện đã chỉ đạo các phòng, ngành, đoàn thể cấp huyện, UBND các xã, thị trấn triển khai xây dựng mô hình “Camera với ANTT” tại các xã, thị trấn. Đã lắp 200 camera an ninh tại các xã, thị trấn, đảm bảo hoạt động 24/24 giờ.

+ Hàng năm, các xã được công nhận đạt chuẩn an toàn về ANTT, lực lượng công an các xã được xây dựng, củng cố trong sạch, vững mạnh theo quy định.

- Đánh giá mức độ đạt tiêu chí: 10/10 xã đạt Tiêu chí số 19 về An ninh và Quốc phòng.

## **6. Kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới nâng cao ở các xã**

- Huyện có 04/10 xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt tỷ lệ 40%, gồm các xã: Tân Tiên (được công nhận năm 2020), Tân Lập (được công nhận năm 2021), Thuận Phú (được công nhận năm 2022) và Xã Đồng Tiến (được công nhận năm 2023).

- Các xã đã nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới nâng cao theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025, cụ thể kết quả thực hiện như sau:

### **6.1. Tiêu chí số 1 - Quy hoạch**

- 04 xã có quy hoạch chung xây dựng xã đã được rà soát, điều chỉnh theo quy định của pháp luật về quy hoạch, có quy chế quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch; có quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương và phù hợp với định hướng đô thị hóa theo quy hoạch cấp trên (Quyết định số 10106/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND huyện về việc phê duyệt Đồ án và quy định quản lý đồ án điều chỉnh quy hoạch nông thôn mới xã Tân Tiên; Quyết định số 9420/QĐ-UBND ngày 15/12/2021 của UBND huyện về việc phê duyệt Đồ án và quy định quản lý đồ án điều chỉnh quy hoạch nông thôn mới xã Tân Lập; Quyết định số 10115/QĐ-UBND ngày 21/12/2021 của UBND huyện về việc phê duyệt Đồ án và quy định quản lý đồ án điều chỉnh quy hoạch nông thôn mới xã Thuận Phú, Quyết định số 10102/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND huyện về việc phê duyệt Đồ án và quy định quản lý đồ án điều chỉnh quy hoạch nông thôn mới xã Đồng Tiến).

- Đánh giá: 04/04 xã đạt tiêu chí số 01 về Quy hoạch.

### **6.2. Tiêu chí số 2 - Giao thông**

- Đường giao nông thôn được quan tâm đầu tư, cải tạo, nâng cấp đạt chuẩn theo quy định.

- Đường xã trên địa bàn 02 xã được bảo trì hàng năm, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp và có các hạng mục cần thiết theo quy định đạt 100%;

- Đường ấp và đường liên ấp được cứng hóa và bảo trì hàng năm đạt 100%.

- Tỷ lệ đường ngõ, xóm được cứng hóa, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp đạt chuẩn theo quy định, đạt 100%.

- Tỷ lệ đường trục chính nội đồng được cứng hóa đáp ứng yêu cầu sản xuất và vận chuyển hàng hóa đạt 100%.

- Đánh giá: 04/04 xã đạt tiêu chí số 02 về Giao thông.

### **6.3. Tiêu chí số 3 - Thủy lợi và Phòng chống thiên tai**

- 04 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao đều đảm bảo đạt nội dung về Thủy lợi và Phòng chống thiên tai theo quy định, cụ thể:

+ Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt trên 90%/xã. Xã có Quyết định thành lập và quy chế hoạt động Ban quản lý khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi đảm bảo kênh, mương, cống... được kiểm tra, phát hiện và đề xuất xử lý các trường hợp vi phạm phạm vi bảo vệ công trình; đảm bảo lòng kênh, rạch thông thoáng không gây cản trở dòng chảy; hàng năm, có kế hoạch, phương án bảo vệ công trình thủy lợi do xã quản lý. Tỷ lệ diện tích cây trồng chủ lực được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước đạt trên 50% theo quy định. Có 100% số công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng được bảo trì hàng năm. Thực hiện thực hiện chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, tổ chức thực hiện kiểm soát nguồn nước thải, tổ chức quản lý nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi theo quy định trên địa bàn theo thẩm quyền hoặc theo phân công, phân cấp.

+ Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm “4 tại chỗ” đạt loại tốt: Có tổ chức bộ máy thực hiện công tác phòng, chống thiên tai được thành lập và kiện toàn theo quy định của pháp luật, có nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu trong công tác phòng, chống thiên tai tại địa phương; các hoạt động phòng, chống thiên tai được triển khai chủ động và có hiệu quả, đáp ứng nhu cầu dân sinh; có cơ sở hạ tầng thiết yếu đáp ứng yêu cầu phòng, chống thiên tai.

- Đánh giá: 04/04 xã đạt tiêu chí số 03 về Thủy lợi và Phòng chống thiên tai.

### **6.4. Tiêu chí số 4 - Điện**

- 04 xã nông thôn mới nâng cao trên địa bàn huyện đảm bảo đạt tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định. Tỷ lệ hộ sử dụng điện có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định trung bình 04 xã đạt 99,81%.

- Đánh giá: 04/4 xã đạt tiêu chí số 04 về Điện.

### **6.5. Tiêu chí số 5 - Giáo dục**

- Trường học được quan tâm đầu tư cơ sở vật chất đạt chuẩn theo quy định. Tại thời điểm công nhận xã nông thôn mới, chưa có trường đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2. Đến nay, 100% trường học các cấp đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 (7/7 trường) và mỗi xã có trường học đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2. Sau khi các xã được công nhận nông thôn mới và nông thôn mới nâng cao, ngành Giáo dục và Đào tạo cùng các cấp chính quyền tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất, trang, thiết bị trường học cho 04 xã.

- Công tác phổ cập giáo dục được ngành Giáo dục và địa phương quan tâm thực hiện. UBND huyện đã công nhận 04 xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và THCS mức độ 3; đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2; công nhận Cộng đồng học tập cấp xã được xếp loại tốt; thành lập Câu lạc bộ bóng đá mini và câu lông cho học sinh.

- Đánh giá: 04/04 xã đạt tiêu chí số 5 về Giáo dục.

### **6.6. Tiêu chí số 6 - Văn hóa**

- Các xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao đều có khu vui chơi giải trí cho trẻ em và người cao tuổi, có lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời ở điểm công cộng; các loại hình hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được tổ chức hoạt động thường xuyên.

- Di sản văn hóa được kiểm kê, ghi danh, bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị đúng quy định.

- Tỷ lệ áp đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định và đạt chuẩn nông thôn mới là 100%.

- Đánh giá: 04/4 xã đạt tiêu chí số 6 về Văn hóa.

### **6.7. Tiêu chí số 7 - Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn**

- Mỗi xã có chợ đáp ứng yêu cầu chung theo tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm. Các cơ sở kinh doanh tại chợ có bảng hiệu ghi tên, địa chỉ, số điện thoại liên hệ của chủ kinh doanh cũng như mặt hàng kinh doanh. Trong quá trình hoạt động, các cơ sở đảm bảo khu vực kinh doanh luôn sạch sẽ, sử dụng thùng rác có nắp đậy và phân loại rác theo đúng quy định. Chủ kinh doanh sản phẩm động vật tuân thủ, chấp hành đúng quy định bày bán, đảm bảo vệ sinh thú y; trang bị, xây dựng sàn bán bằng các chất liệu bền, không thấm nước, không bị ăn mòn; sàn bán xây cách cao sàn chợ; cơ sở kinh doanh không sử dụng các chất độc hại để bảo quản sản phẩm...

- Đánh giá: 04/04 xã đạt tiêu chí số 7 về Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn.

### **6.8. Tiêu chí số 8 - Thông tin và Truyền thông**

- Các xã đều có điểm phục vụ bưu chính đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân; tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh đều đạt trên 100%/xã; 100% ấp có hệ thống loa hoạt động thường xuyên và 100% số ấp

có hộ gia đình thu xem được 01 trong số các phương thức truyền hình vệ tinh, cáp, số mặt đất, truyền hình qua mạng internet...; có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành phục vụ đời sống kinh tế - xã hội và tổ chức lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xdntm (*tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến trên tổng số hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính của xã đạt tối thiểu 50%; tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức cấp xã được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng số và an toàn thông tin đạt trên 80%; tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được phổ biến kiến thức về sử dụng máy tính và kỹ năng số cơ bản đạt trên 50%*). Tại UBND xã, nhà văn hóa xã, Trạm Y tế...có mạng Wifi miễn phí để người dân truy cập.

- Đánh giá: 04/04 xã đạt tiêu chí số 8 về Thông tin và Truyền thông.

### **6.9. Tiêu chí số 9 - Nhà ở dân cư**

- Đời sống của người dân ổn định, có điều kiện xây cất, cải tạo, sửa chữa nhà ở khang trang, sạch đẹp, tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố đạt 97%/xã.

- Đánh giá: 04/04 xã đạt tiêu chí số 9 về Nhà ở dân cư.

### **6.10. Tiêu chí số 10 - Thu nhập**

- Các xã thực hiện phát triển kinh tế nông thôn toàn diện ở các lĩnh vực: nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ và ngành nghề gắn với XDNTM nâng cao; hợp tác, liên kết, phát triển chuỗi giá trị; thực hiện cơ cấu sản xuất nông nghiệp theo từng lĩnh vực và phát triển sản phẩm chủ lực để tập trung phát triển sản xuất hàng hóa; đẩy mạnh triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả Đề án Chương trình mỗi xã một sản phẩm... đã góp phần tạo việc làm, tăng thu nhập. Đến cuối năm 2023, thu nhập bình quân đầu người đạt 80 triệu đồng/người.

- Đánh giá: 04/04 xã đạt tiêu chí số 10 về Thu nhập.

### **6.11. Tiêu chí số 11 - Nghèo đa chiều**

- Việc thực hiện tốt các chính sách về vay vốn ưu đãi đã giúp cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ có hoàn cảnh khó khăn... có vốn để phát triển sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu lao động... nhờ đó, nâng cao thu nhập hộ gia đình, góp phần vươn lên thoát nghèo, giảm nghèo bền vững. Các xã tập trung giảm tỷ lệ nghèo đa chiều đạt dưới 0,12% (*tỷ lệ nghèo đa chiều: xã Tân Tiến là 0,18%, Tân Lập là 0,03%, Thuận Phú là 0,12%, Đồng Tiến là 0,15%*).

- Đánh giá: 04/04 xã đạt tiêu chí số 11 về Nghèo đa chiều.

### **6.12. Tiêu chí số 12 - Lao động**

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) đạt trung bình trên 85 %/xã.

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) đạt trung bình 43,9%/xã.

- Tỷ lệ lao động làm việc trong các ngành kinh tế chủ lực trên địa bàn đạt trung bình 47,5%/xã.

- Đánh giá: 04/04 xã đạt tiêu chí số 12 về Lao động.

### **6.13. Tiêu chí số 13 - Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn**

- Thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn, phát triển sản phẩm OCOP nhằm nâng cao giá trị gia tăng... mỗi xã đều có từ 01 HTX nông nghiệp hoạt động hiệu quả và có hợp đồng liên kết theo chuỗi giá trị ổn định.

- Mỗi xã có sản phẩm chủ lực của xã sản xuất gắn với vùng nguyên liệu tập trung, đảm bảo các yêu cầu về an toàn thực phẩm theo quy định; có chỉ dẫn địa lý; có kênh phân phối ổn định và hiệu quả (sản phẩm của xã Tân Tiến là Dưa lưới, xã Tân Lập là hạt Điều rang muối, xã Thuận Phú là Cà phê Chồn Robusta, xã Đồng Tiến là Cam, Bưởi da xanh).

- Thực hiện đạt các nội dung: có mô hình kinh tế ứng dụng công nghệ cao, liên kết theo chuỗi giá trị gắn với đảm bảo an toàn thực phẩm; ứng dụng chuyển đổi số để thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã; trên 10% sản phẩm chủ lực của xã được bán qua kênh thương mại điện tử; vùng nguyên liệu tập trung ối với nông sản chủ lực của xã được cấp mã vùng; có triển khai quảng bá hình ảnh điểm du lịch của xã thông qua ứng dụng Internet, mạng xã hội; có mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị (kinh tế, văn hoá, môi trường).

- Đánh giá: 04/04 xã đạt tiêu chí số 13 về Tổ chức sản xuất và Phát triển kinh tế nông thôn.

### **6.14. Tiêu chí số 14 - Y tế**

- Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt trung bình 95%/xã.

- Tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe đạt trung bình 90%/xã.

- Tỷ lệ người dân tham gia và sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ xa: Chưa triển khai đánh giá.

- Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử: Chưa triển khai đánh giá.

- Đánh giá: 04/04 xã đạt tiêu chí số 14 về Y tế.

### **6.15. Tiêu chí số 15 - Hành chính công**

- Giải quyết thủ tục hành chính cho người dân. Việc trả kết quả được thực hiện trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

- Thực hiện theo Bộ thủ tục hành chính do UBND tỉnh ban hành, theo đó có trên 95% thủ tục hành chính là dịch vụ công trực tuyến toàn trình.

- Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến trên tổng số hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính của xã là 93,07%.

- Giải quyết thủ tục hành chính đúng quy định và không để xảy ra thiếu nại vượt cấp. Trong năm 2023 UBND các xã không nhận được ý kiến phản ánh, kiến



nghị liên quan đến quyết các thủ tục hành chính.

- Đánh giá: 04/04 xã đạt tiêu chí số 15 về Hành chính công.

#### **6.16. Tiêu chí số 16 - Tiếp cận pháp luật**

- Công tác hòa giải ở cơ sở trong những năm qua luôn được thực hiện tốt: 100% các ấp trên địa bàn các xã đều có tổ hòa giải góp phần giải quyết những mâu thuẫn, những tranh chấp nhỏ trong cộng đồng dân cư nhằm củng cố khối đại đoàn kết toàn dân, giữ gìn tình làng nghĩa xóm.

- Tỷ lệ mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm thuộc phạm vi hòa giải được hòa giải thành: Năm 2023, tiếp nhận và giải quyết hòa giải đạt 100%.

- Tỷ lệ người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu: 100% người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý (hộ nghèo, hộ cận nghèo, người có công với cách mạng...) được tiếp cận và được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu bảo vệ quyền lợi chính đáng.

- Đánh giá: 04/04 xã đạt tiêu chí số 16 về Tiếp cận pháp luật.

#### **4.1. Tiêu chí số 17 - Môi trường**

- Khu kinh doanh dịch vụ chăn nuôi, giết mổ, nuôi trồng thủy sản trên địa bàn đều có hạ tầng kỹ thuật đáp ứng đạt quy chuẩn về bảo vệ môi trường. 100 % các cơ sở sản xuất, kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường. Chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định đạt 98%/xã. Các tổ chức, hộ gia đình trên địa bàn thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả đạt trên 60%/xã. Tổng số hộ gia đình trên địa bàn thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn đạt 60%/xã. Chất thải rắn nguy hại trên địa bàn được thu gom, vận chuyển và xử lý 100% đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường. Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện môi trường đạt 90%/xã. Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi đảm bảo quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường đạt trung bình 97%/xã. Nghĩa trang, cơ sở hỏa táng đáp ứng các quy định của pháp luật và theo quy hoạch, năm 2023 trên địa bàn 04 xã có 31/268 trường hợp hỏa táng (xã Tân Tiến có 07/62 trường hợp hỏa táng, xã Tân Lập có 08/71 trường hợp hỏa táng, xã Thuận Phú có 09/75 trường hợp hỏa táng, xã Đồng Tiến có 7/60 trường hợp hỏa táng), đạt tỷ lệ 11,53%.

- Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn đạt trung bình 4,11 m<sup>2</sup>/người.

- Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý đạt trên 90%/xã.

- Đánh giá: 04/04 xã đạt tiêu chí 17 về Môi trường.

#### **6.18. Tiêu chí số 18 - Chất lượng môi trường sống**

- Tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung đạt 68%/xã. Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm. Mỗi xã có 01 công trình cấp nước tập trung đều có tổ chức, quản lý, khai thác

hoạt động bền vững đạt 100%. Tất cả hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm hàng năm đều được tập huấn về an toàn thực phẩm. Trên địa bàn không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm. 100% cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản được chứng nhận về an toàn thực phẩm. Tỷ lệ hộ có nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, nhà tiêu an toàn và đảm bảo 3 sạch đạt 100%/xã. chất thải rắn sinh hoạt được chuyển tới khu xử lý tập trung đảm bảo vệ sinh môi trường đạt 100%.

- Đánh giá: 04/04 xã đạt tiêu chí số 18 về Chất lượng môi trường sống.

### **6.19. Tiêu chí số 19 - Quốc phòng và An ninh**

- 04/04 xã thực hiện đạt nội dung về nâng cao chất lượng hoạt động của Ban CHQS xã và lực lượng Dân quân; không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội nghiêm trọng trở lên hoặc gây tai nạn (giao thông, cháy, nổ) nghiêm trọng trở lên;

phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả.

- Đánh giá: 04/04 xã đạt tiêu chí số 19 về Quốc phòng và An ninh.

### **6.20. Khu dân cư nông thôn kiểu mẫu (tiêu chí do tỉnh Bình Phước quy định thêm)**

- 04/04 xã được UBND huyện công nhận 06 ấp đạt khu dân cư nông thôn kiểu mẫu, xã Tân Tiến đạt 02 khu dân cư nông thôn kiểu mẫu (ấp Thái Dũng, ấp Chợ), xã Tân lập đạt 03 khu dân cư nông thôn kiểu mẫu (ấp 2, ấp 3, ấp 5, ấp 6), xã Thuận Phú đạt khu dân cư nông thôn kiểu mẫu (ấp Thuận Phú, ấp Thuận Hải, ấp Bù Xăng). Xã Đồng Tiến (ấp Cầu 2 xã Đồng Tiến).

- Đánh giá: 04/04 xã đạt tiêu chí số 20 về Khu dân cư nông thôn kiểu mẫu.

## **7. Kết quả thực hiện xây dựng đô thị văn minh ở thị trấn**

- Thực hiện Quyết định số 04/2022/QĐ-TTg ngày 18/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định về tiêu chí, trình tự, thủ tục xét, công nhận đạt chuẩn đô thị văn minh, đến nay, trên địa bàn huyện có 01/01 thị trấn (thị trấn Tân Phú) đạt chuẩn tiêu chí đô thị văn minh, đạt 100%. Một số kết quả thực hiện tiêu biểu cụ thể như sau:

+ Thị trấn có quy hoạch chung đô thị được phê duyệt và công bố công khai; số hộ có nhà xây kiên cố phù hợp với kiến trúc chung của đô thị đạt trên 90%; không có nhà tạm, nhà dột nát.

+ Các tuyến đường trên địa bàn thị trấn được rải nhựa hoặc bê tông hóa theo quy hoạch; các tuyến phố chính đều có vỉa hè, điện chiếu sáng, cây xanh, cây bóng mát; hệ thống điều khiển giao thông, đèn tín hiệu, biển chỉ dẫn được lắp đặt đầy đủ theo quy định; hành lang an toàn giao thông đảm bảo mỹ quan đô thị; không có hiện tượng lấn chiếm lòng đường, vỉa hè kinh doanh, buôn bán, vi phạm trật tự an toàn giao thông; tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng đạt 100%; tỷ lệ đường khu nhà ở, ngõ phố được chiếu sáng đạt trên 80%.

+ Doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh, hộ sản xuất kinh doanh cá thể, hộ dân trên địa bàn thị trấn đạt các tiêu chuẩn vệ sinh môi trường theo quy định; chất thải, nước thải, rác thải được thu gom, xử lý đúng quy định; 100% số hộ gia đình sử dụng nước sạch theo quy định; 100% số hộ gia đình có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch; 100% hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm.

+ Trên địa bàn thị trấn thực hiện tốt công tác phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội và xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; tỷ lệ tội phạm, vi phạm pháp luật, tai nạn giao thông không tăng so với năm trước; không có vụ việc về cháy, nổ, tai nạn giao thông tử nghiêm trọng trở lên, không có đối tượng tham gia đua xe và không để xảy ra tình trạng đua xe trái phép trên địa bàn; thị trấn đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh, trật tự.

+ 100% hộ gia đình có thiết bị nghe nhìn thông minh, có thuê bao Internet băng rộng và người dân sử dụng điện thoại di động thông minh; có kênh giao tiếp chính thức trên mạng xã hội của Việt Nam.

+ Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động đạt 98%; thu nhập bình quân đầu người trung bình đạt 76 triệu đồng/người hàng năm; tỷ lệ nghèo đa chiều là 0%.

+ Có Nhà văn hóa có cơ sở vật chất, trang thiết bị bảo đảm, được quản lý sử dụng đúng mục đích; số hộ gia đình thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội và nếp sống văn minh đô thị theo các quy định của trung ương, địa phương và quy ước của tổ dân phố đạt trên 90%; các đội văn nghệ, thể thao, các câu lạc bộ ở thị trấn và các tổ dân phố thường xuyên hoạt động.

+ Thị trấn đạt tiêu chí quốc gia về y tế; tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 97%; 100% trường học (3/3 trường) các cấp (mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; 3/3 trường học trên địa bàn thị trấn được công nhận đạt chuẩn quốc gia, đạt 100%; tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo đạt 87%.

+ Cán bộ, công chức làm việc tại thị trấn đạt chuẩn theo quy định. Năm 2022, 100% các tổ chức Đảng đạt trong sạch, vững mạnh; Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội đạt loại khá trở lên. Triển khai dịch vụ công trực tuyến phục vụ người dân, doanh nghiệp theo đúng quy định. Đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định.

## **8. Về kết quả thực hiện bộ tiêu chí huyện nông thôn mới**

### **8.1. Tiêu chí số 1 về Quy hoạch**

- Yêu cầu của tiêu chí:

+ Chỉ tiêu 1.1 - Có quy hoạch xây dựng vùng huyện được phê duyệt còn thời hạn hoặc được rà soát, điều chỉnh theo quy định, trong đó có quy hoạch khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn.

+ Chỉ tiêu 1.2 - Có công trình hạ tầng kỹ thuật thiết yếu hoặc hạ tầng xã hội thiết yếu được đầu tư xây dựng theo quy hoạch xây dựng vùng huyện đã được phê duyệt  $\geq 01$  công trình.

- Kết quả thực hiện tiêu chí:

+ Quy hoạch chung xây dựng huyện lỵ Đồng Phú đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 được phê duyệt tại Quyết định số 1461/QĐ-UBND ngày 26/6/2018 của UBND tỉnh Bình Phước.

+ Quy hoạch vùng huyện được UBND tỉnh chấp thuận chủ trương lập quy hoạch tại Công văn số 3488/UBND-KT ngày 16/11/2018, phê duyệt nhiệm vụ và dự toán tại Quyết định số 1449/QĐ-UBND ngày 10/7/2019, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu tại Quyết định số 2115/QĐ-UBND ngày 11/10/2019, tổ chức triển khai lập quy hoạch từ tháng 12/2019. UBND huyện đã tập trung triển khai các bước, lấy ý kiến tổ chức, cộng đồng dân cư, thông qua HĐND huyện tại Nghị quyết số 24/2020/NQ-HĐND ngày 18/8/2020, trình UBND tỉnh phê duyệt 6 lần, lần 1 (Tờ trình số 133/TTr-UBND ngày 19/9/2020), lần 6 (Tờ trình số 144/TTr-UBND ngày 24/11/2023), hiện nay đã bổ sung, chỉnh sửa, cập nhật theo quy hoạch tỉnh được Thủ tướng Chính phủ ban hành tại Quyết định số 1489/QĐ-TTg ngày 24/11/2023, Quyết định số 866/QĐ-TTg ngày 18/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, Quyết định số 1277/QĐ-TTg ngày 01/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia và ý kiến của Sở Xây dựng tại Công văn số 2657/SXD-QHKT.

+ Nội dung Quy hoạch xây dựng tập trung:

\* Cụ thể hoá chủ trương phát triển kinh tế, xã hội huyện Đồng Phú, Quy hoạch xây dựng vùng Đồng Phú tạo điều kiện đẩy nhanh quá trình phát triển kinh tế của tỉnh và huyện một cách bền vững.

\* Xác định sự hình thành và phát triển hệ thống đô thị nông thôn, hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn huyện Đồng Phú.

\* Định hướng kết nối hệ thống hạ tầng của huyện với hạ tầng của tỉnh Bình Phước và các khu vực liên quan.

\* Hỗ trợ, thúc đẩy phát triển kinh tế, phát huy tiềm năng và nguồn lực của huyện; tạo tiền đề thúc đẩy phát triển kinh tế, nâng cao chất lượng sống, bảo vệ môi trường.

\* Làm cơ sở để hướng dẫn các ngành, các cấp chính quyền trong việc lập các dự án quy hoạch, chương trình đầu tư và hoạch định các chính sách phát triển, quản lý đô thị và các khu dân cư nông thôn, khu vực phát triển công nghiệp, du lịch... và hệ thống các công trình chuyên ngành, đảm bảo vùng huyện phát triển hài hòa, đồng bộ.

\* Làm công cụ quản lý phát triển, kiểm soát không gian toàn huyện, tạo cơ hội đầu tư ổn định và bền vững.

\* Làm cơ sở để triển khai lập quy hoạch chung xây dựng xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao tiếp theo.

+ Công khai quy hoạch: UBND huyện đã tổ chức công khai quy hoạch đề Nhân dân và các tổ chức liên quan biết và thực hiện.

+ Hình thức công khai: In ấn phẩm phát hành rộng rãi, trưng bày bản vẽ tại trụ sở UBND huyện, xã, tuyên truyền trên hệ thống đài truyền thanh huyện, xã.

+ Có công trình hạ tầng kỹ thuật thiết yếu hoặc hạ tầng xã hội thiết yếu được đầu tư xây dựng theo quy hoạch xây dựng vùng huyện đã được phê duyệt: Trên cơ sở quy hoạch được phê duyệt, huyện đã tập trung nguồn lực đầu tư xây dựng, nâng cấp các công trình hạ tầng kỹ thuật thiết yếu hoặc hạ tầng xã hội thiết yếu được đầu tư xây dựng theo quy hoạch xây dựng vùng huyện đã được phê duyệt như: Trung tâm hành chính huyện, Trung tâm văn hóa - thể thao huyện, Trung tâm thương mại huyện, Trung tâm y tế huyện, hệ thống các trường học trên địa bàn 10/10 xã, hệ thống trạm y tế xã, các công trình hạ tầng thiết yếu trên địa bàn các xã - thị trấn đều được triển khai đầu tư xây dựng theo quy hoạch xây dựng vùng huyện được duyệt, có sự kết nối đồng bộ, phục vụ tốt các nhu cầu về giáo dục, y tế, văn hóa, tiếp cận pháp luật, sản xuất, kinh doanh của Nhân dân trên địa bàn.

+ Hiện nay, quy hoạch xây dựng vùng huyện Đồng Phú đã cơ bản được UBND huyện hoàn thiện, dự kiến được tỉnh phê duyệt trong quý IV năm 2024.

- Đánh giá mức độ đạt tiêu chí: Cơ bản Đạt theo yêu cầu bộ tiêu chí huyện nông thôn mới.

*(Kèm theo báo cáo thẩm tra số 1279/SXD-QLN ngày 29/6/2024 của Sở Xây dựng)*

## **8.2. Tiêu chí số 2 về Giao thông**

- Yêu cầu của tiêu chí:

+ Chỉ tiêu 2.1 - Hệ thống giao thông trên địa bàn huyện đảm bảo kết nối tới các xã và được bảo trì hàng năm.

+ Chỉ tiêu 2.2 - Tỷ lệ km đường huyện đạt chuẩn theo quy hoạch (đạt 100%).

+ Chỉ tiêu 2.3 - Tỷ lệ km đường huyện được trồng cây xanh dọc tuyến đường (đạt  $\geq 50\%$ ).

+ Chỉ tiêu 2.4 - Bến xe khách tại trung tâm huyện (*nếu có theo quy hoạch*) đạt tiêu chuẩn loại IV trở lên.

- Kết quả thực hiện tiêu chí:

+ Chỉ tiêu 2.1 - Hiện nay, trên địa bàn huyện có 18 tuyến đường huyện, với tổng chiều dài 180,07 km, tất cả các tuyến đường đều được đầu tư, nâng cấp theo quy hoạch và đạt cấp kỹ thuật theo tiêu chuẩn TCVN 4054:2005 Đường ô tô - Yêu cầu thiết kế.

+ Chỉ tiêu 2.2 - Trên tất cả các tuyến đường huyện có 18 tuyến đường giao thông nông thôn được đầu tư kiên cố, quy mô và tải trọng phù hợp cấp đường theo quy hoạch; đồng thời, trên tất cả các tuyến đều có các hạng mục cần thiết như: biển báo tải trọng, biển báo chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, lan can phòng hộ... được bảo trì hàng năm.

+ Chỉ tiêu 2.3 - Tỷ lệ km đường huyện được trồng cây xanh dọc tuyến đường: Trên tất cả các tuyến đường huyện đều được trồng cây xanh dọc 02 bên tuyến đường, đạt 100%; đồng thời, trong quá trình trồng cây xanh đều tuân thủ theo quy định tại Khoản 2, Điều 28, Nghị định số 11/2010/NĐ-CP của Chính phủ; không trồng cây trên lề đường làm che khuất cọc tiêu, biển báo, hạn chế tầm nhìn, đồng thời, làm hư hỏng lề đường, mặt đường gây mất an toàn cho người và phương tiện tham gia giao thông. Đối với các tuyến đường trồng hoa các loại đảm bảo chiều cao không vượt quá 0,5m và cách mặt đường tối thiểu 01m.

+ Chỉ tiêu 2.4 - Bến xe khách tại trung tâm huyện (nếu có theo quy hoạch) đạt tiêu chuẩn loại IV trở lên: Giai đoạn 2021-2030 huyện Đồng Phú chưa quy hoạch Bến xe khách.

- Đánh giá mức độ đạt tiêu chí: Đạt yêu cầu Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới.

*(Kèm theo báo cáo thẩm tra số 929/SGTVT-HTGT ngày 17/7/2024 của Sở Giao thông vận tải)*

### **8.3. Tiêu chí số 3 về Thủy lợi và phòng, chống thiên tai**

- Yêu cầu của tiêu chí:

+ Chỉ tiêu 3.1 - Hệ thống thủy lợi liên xã đồng bộ với hệ thống thủy lợi các xã theo quy hoạch.

+ Chỉ tiêu 3.2 - Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ.

- Kết quả thực hiện tiêu chí:

+ Chỉ tiêu 3.1:

\* Tổng diện tích đất tự nhiên của toàn huyện là 93.445,11 ha, diện tích cây trồng là 56.779,7 ha (cây lâu năm 55.861,7 ha, cây hàng năm 918 ha).

\* Về tưới chủ động: Trên địa bàn huyện diện tích trồng cây lâu năm (cao su, điều: 54.586,5) khá lớn chiếm 97,7% diện tích cây lâu năm, đây là cây trồng không cần tưới nước chủ động, nhưng vẫn đảm bảo sinh trưởng và phát triển bình thường, cụ thể: Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp cần tưới chủ động là 2.186/2.146 ha, đạt 100% cây có nhu cầu tưới bao gồm: Cây tiêu là 93 ha; cây ăn trái: 997,2 ha và 918 ha diện tích trồng cây hàng năm.

\* Tỷ lệ diện tích đất nông nghiệp, phi nông nghiệp và đất chưa sử dụng được tưới nước chủ động đạt 100%, cụ thể: Diện tích đất tự nhiên của huyện là 93.445,11 ha. Trong đó, đất nông nghiệp là 85.850,31 ha, đất phi nông nghiệp là 7.594,47 ha, đất chưa sử dụng 0,33 ha đều được tưới nước chủ động

\* Hệ thống thủy lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp: Có hồ Suối Giai, hồ Tân Hòa, hồ Đồng Xoài, hồ Tân Lợi, hồ Suối Bình, hồ Tân Hưng, hồ Suối Lam; ngoài ra còn có các ao, hồ, suối; đảm bảo cung cấp nguồn nước phục vụ cho sản xuất nông nghiệp; diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt trên 90%. (86.903,95/93.445,11 ha)

\* Hệ thống kênh mương: Do đặc điểm tự nhiên của huyện sản xuất nông nghiệp chủ yếu là cây công nghiệp cao su, điều, bên cạnh đó tại xã: Thuận Lợi, Đồng Tiến, Tân Phước, Tân Lập có 03 hệ thống kênh mương nổi 21,6 km (kênh Đông 4,8 km, kênh Tây 15 km, hệ thống kênh hồ Suối Giai Tân Lập 1,8 km) phục vụ tưới cho khoảng 500 ha; các xã còn lại không có hệ thống kênh mương, các hộ dân bơm nước trực tiếp từ sông, suối, ao, hồ hoặc giếng khoan để tưới tiêu.

\* Hàng năm, đơn vị quản lý khai thác công trình thủy lợi đã lập kế hoạch cung cấp nước, lịch bơm tưới cho từng cánh đồng cụ thể tại các trạm bơm, đảm bảo cung cấp đủ nước cho Nhân dân sản xuất nông nghiệp. Công tác đầu tư sửa chữa các công trình thủy lợi được đặc biệt quan tâm, việc đầu tư, sửa chữa kịp thời các công trình thủy lợi đã hạn chế phát sinh hư hỏng lớn, đảm bảo an toàn công trình, nâng cao hiệu quả bơm tưới phục vụ sản xuất và giúp các địa phương hoàn thành tiêu chí thủy lợi trong xây dựng nông thôn mới. Nhìn chung, hệ thống thủy lợi liên xã đồng bộ với hệ thống thủy lợi các xã theo quy hoạch; công tác quản lý, khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn huyện cơ bản đáp ứng tốt nhu cầu nước cho sản xuất nông nghiệp và sinh hoạt dân sinh. Hiện có trên 90% diện tích đất sản xuất nông nghiệp trên địa bàn huyện được tưới, tiêu nước chủ động theo quy định.

+ Chỉ tiêu 3.2 - Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ):

\* Công tác phòng chống thiên tai đã được huyện ủy, UBND huyện quan tâm triển khai thực hiện tốt; Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn của huyện, các xã được thành lập và thường xuyên được củng cố, kiện toàn đảm bảo hoạt động có hiệu quả. Hàng năm BCH PCTT và TKCN huyện, các xã đều xây dựng phương án, kế hoạch phòng chống thiên tai và phân công nhiệm vụ, địa bàn phụ trách cho các thành viên Ban Chỉ huy để tổ chức thực hiện. Tăng cường tuyên truyền, phổ biến kiến thức về phòng, chống thiên tai cho người dân. Thường xuyên tổ chức tập luyện nhằm nâng cao khả năng cứu hộ và năng lực xử lý tình huống để giảm thiệt hại tối thiểu về tính mạng và tài sản của Nhân dân khi có thiên tai xảy ra. Tình hình thời tiết được BCH PCTT xã cập nhật và tuyên truyền, thông tin, phát thanh trên hệ thống loa truyền thanh của xã đến với nhân dân trên địa bàn.

- Đánh giá mức độ đạt tiêu chí: Đạt yêu cầu Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới.

*(Kèm theo báo cáo thẩm tra số 240/BC-SNN-KHHT ngày 19/8/2024 của Sở Nông nghiệp và PTNT)*

#### **8.4. Tiêu chí số 4 về Điện**

- Yêu cầu của tiêu chí: Hệ thống điện liên xã đồng bộ với hệ thống điện các xã theo quy hoạch, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của cả hệ thống.

- Kết quả thực hiện tiêu chí:

+ Hệ thống điện trên địa bàn huyện hiện có 385,45 km đường dây trung áp; 397,21 km đường dây hạ áp; 532 trạm biến áp; đã phục vụ tốt, đáp ứng được yêu cầu cho sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, đời sống của người dân. Các tuyến đường dây thường xuyên được kiểm tra, nâng cấp, cải tạo và xác nhận đảm bảo yêu cầu kỹ thuật vận hành an toàn của cả hệ thống. Đến nay, tỷ lệ hộ dân sử dụng điện đạt 99,53% (100% khu trung tâm xã có điện chiếu sáng, 88% các tuyến trục đường chính có điện chiếu sáng công cộng, 91% các tuyến quốc lộ, tỉnh lộ qua địa bàn có hệ thống chiếu sáng). Hệ thống điện trên địa bàn huyện đảm bảo vận hành an toàn, cung cấp điện liên tục và đạt yêu cầu kỹ thuật trong vận hành với hệ thống điện phân phối liên xã theo quy định tại Văn bản hợp nhất số 03/VBHN-BCT ngày 06/01/2023 của Bộ Công Thương quy định hệ thống điện phân phối.

+ Hiện nay, hệ thống điện liên xã đồng bộ với hệ thống điện các xã theo quy hoạch, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của cả hệ thống. Hệ thống điện đã giúp cho sản xuất, đời sống của người dân thay đổi rõ nét: Đào giếng, trang bị máy bơm tưới vườn, chuyên đổi cơ cấu kinh tế, cây trồng, đầu tư các cây trồng chất lượng cao (cam, quýt, bưởi, sầu riêng...), đầu tư cơ sở chế biến nông sản. Hoạt động sản xuất của người dân nông thôn chuyển dần sang sản xuất hàng hoá, dịch vụ, góp phần thực hiện Chương trình giảm nghèo hiệu quả.

- Đánh giá mức độ đạt tiêu chí: Đạt yêu cầu Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới.

*(Kèm theo báo cáo thẩm tra số 1705/SCT-QLNL ngày 30/8/2024 của Sở Công thương)*

### **8.5. Tiêu chí số 5 về Y tế - Văn hóa - Giáo dục**

a) Yêu cầu của tiêu chí:

+ Chỉ tiêu 5.1 - Trung tâm Y tế huyện đạt chuẩn.

+ Chỉ tiêu 5.2 - Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện đạt chuẩn, có nhiều hoạt động văn hóa - thể thao kết nối với các xã.

+ Chỉ tiêu 5.3 - Tỷ lệ trường Trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 trở lên ( $\geq 60\%$ ).

+ Chỉ tiêu 5.4 - Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên đạt kiểm định chất lượng giáo dục (cấp độ 1).

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Về Y tế:

+ Chỉ tiêu 5.1 - Trung tâm Y tế huyện đạt chuẩn:

\* Hệ thống Y tế huyện được chú trọng, tập trung đầu tư; hầu hết các cơ sở khám, chữa bệnh sau khi được xây mới, nâng cấp, mở rộng đều đáp ứng đủ các khoa, phòng, bộ phận theo đúng mô hình quy định của ngành Y tế; được bổ sung



trang, thiết bị kỹ thuật y tế đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh cho Nhân dân trong huyện.

\* Trung tâm Y tế huyện đạt chuẩn bệnh viện hạng III theo quy định của Bộ Y tế gồm có 11 khoa, phòng, tổng số giường bệnh tuyến huyện là 80 giường; 11 Trạm Y tế xã, thị trấn, tổng số giường bệnh tuyến xã là 55 giường, hàng năm thực hiện tốt công tác khám chữa bệnh, phòng chống dịch bệnh.

\* Các hoạt động y tế dự phòng và các chương trình mục tiêu quốc gia về Y tế đều được triển khai kịp thời, với sự hỗ trợ của các ban, ngành, đoàn thể trong công tác phối hợp, giúp ngành y tế triển khai thực hiện tốt các chương trình mục tiêu quốc gia chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

\* Đội ngũ cán bộ Y tế nhiệt tình, năng động, có tinh thần trách nhiệm cao trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao; hoàn thành các chỉ tiêu đề ra trên các mặt hoạt động khám, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe ban đầu cho Nhân dân và phòng chống dịch, bệnh. Công tác truyền thông giáo dục sức khỏe được tăng cường, cung cấp nhiều tin, bài để truyền đạt thông tin về sức khỏe đến người dân về lợi ích của việc chăm sóc và bảo vệ sức khỏe. Thực hiện các Chương trình MTQG về chăm sóc sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình, phòng chống suy dinh dưỡng trẻ dưới 5 tuổi đạt và vượt chỉ tiêu đề ra.

\* Công tác xây dựng xã đạt tiêu chí quốc gia về Y tế luôn được huyện quan tâm hàng đầu, đưa vào mục tiêu kế hoạch tổ chức thực hiện hàng năm và luôn đạt, vượt kế hoạch chỉ tiêu đề ra.

- Về Văn hóa:

+ Chỉ tiêu 5.2 - Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện đạt chuẩn, có nhiều hoạt động văn hóa - thể thao kết nối với các xã:

\* Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện được xây dựng năm 2019, đến nay đã hoàn thành. Trong quá trình hoạt động, luôn được quan tâm nâng cấp, duy tu, bảo dưỡng và tổ chức quản lý, khai thác và hoạt động tốt.

\* Tổ chức thực hiện tốt các nội dung về lĩnh vực văn hóa như: Chỉ tiêu xây dựng mới kịch bản thông tin lưu động, số buổi hoạt động thông tin lưu động, tổ chức các hội thi, hội diễn văn nghệ quần chúng cấp huyện. Hàng năm, các chỉ tiêu Trung tâm thực hiện đều đạt và vượt kế hoạch: có trên 20.000 lượt trẻ em và người dân đến vui chơi, giải trí và có trên 4.500 lượt người đến tham gia các giải đấu thể thao, hoạt động văn nghệ; sân vận động với diện tích 10.000m<sup>2</sup> là nơi diễn ra các hoạt động vui chơi giải trí của cộng đồng. Ngoài ra, Trung tâm xây dựng trên 20 chương trình văn nghệ phục vụ chào mừng các ngày lễ lớn, các sự kiện chính trị của địa phương; phục vụ âm thanh, ánh sáng hỗ trợ cho các ban, ngành huyện, các xã, thị trấn tổ chức các hoạt động; biên tập tài liệu và phát thanh xe loa 36 cuộc với khoảng 30.000 lượt người nghe; đội tuyên truyền lưu động tổ chức tập luyện trên 100 buổi phục vụ việc tham dự liên hoan, hội thi...

\* Thực hiện tốt các nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ chuyên môn do Huyện uỷ, UBND huyện giao như: Tổ chức các chương trình văn hoá - văn nghệ; phục

vụ trang trí, âm thanh, tuyên truyền nhân dịp các sự kiện chính trị trọng đại, kỷ niệm các ngày lễ lớn của đất nước, của địa phương; phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể tổ chức các hoạt động văn hóa - văn nghệ nhân kỷ niệm các ngày lễ của các ngành.

\* Hoạt động văn hoá - văn nghệ quần chúng tại Trung tâm Văn hoá - Thể thao huyện diễn ra phong phú, đa dạng: Duy trì sinh hoạt các Câu lạc bộ (CLB) theo sở thích như: CLB tuyên truyền ca khúc cách mạng, CLB thể dục dưỡng sinh, thể dục thẩm mỹ, CLB khiêu vũ... phục vụ tốt nhu cầu vui chơi, giải trí.

\* Hàng năm, Trung tâm Văn hoá - Thể thao huyện xây dựng kế hoạch và tổ chức các hoạt động kết nối với UBND các xã tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ như: Liên hoan đờn ca tài tử, các hoạt động Mừng Đảng Mừng Xuân, hội thi Hoa phượng đỏ...; các hoạt động thể dục thể thao như: Tổ chức giải cầu lông, bóng chuyền, bóng đá mini, chạy việt dã thu hút nhiều vận động viên tham gia và phục vụ trên 10.000 lượt người xem... tạo hoạt động văn hóa, văn nghệ sôi nổi trên địa bàn huyện.

\* Hiện Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện đạt chuẩn theo quy định tại Thông tư số 01/2010/TT-BVHTTDL ngày 26/02/2010 và Thông tư số 11/2010 ngày 22/12/2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Về Giáo dục:

+ Chỉ tiêu 5.3 - Tỷ lệ trường Trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 trở lên ( $\geq 60\%$ ):

\* Huyện đã thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp tích cực, vận động, huy động toàn hệ thống chính trị, Nhân dân cùng tham gia vào chương trình xây dựng trường chuẩn quốc gia và đã đạt kết quả khá tốt, cụ thể: có 02 trường công lập (THPT Đồng Phú, Trường THCS và THPT Đồng Tiến). Nhìn chung, khuôn viên các trường được xây dựng riêng biệt, có tường rào, cổng trường, biển tên trường. Các khu vực trong nhà trường được bố trí hợp lý, luôn sạch, đẹp, đủ diện tích sử dụng để đảm bảo tổ chức các hoạt động quản lý, dạy học và sinh hoạt. Diện tích phòng học, bàn ghế học sinh, bàn ghế giáo viên đúng quy cách. Phòng học thoáng mát, đủ ánh sáng, an toàn. Khu sân chơi sạch, đảm bảo vệ sinh và có cây bóng mát. Khu vệ sinh được bố trí hợp lý; có khu để xe dành riêng cho giáo viên và học sinh; có đủ nước sạch để phục vụ cho các hoạt động dạy và học; có hệ thống thoát nước hợp vệ sinh; có hệ thống công nghệ thông tin kết nối internet đáp ứng yêu cầu quản lý và dạy học; có website thông tin trên mạng internet hoạt động thường xuyên hỗ trợ có hiệu quả cho công tác dạy học và quản lý của nhà trường.

\* Hiện nay, tính đến thời điểm 31/12/2023, trường THPT Đồng Phú được công nhận đạt chuẩn Quốc gia 02 kỳ liên tiếp và Trường THCS&THPT Đồng Tiến được công nhận đạt chuẩn quốc gia tại Quyết định số 1287/QĐ-UBND ngày 10/8/2023 của UBND tỉnh Bình Phước.

+ Chỉ tiêu 5.4 - Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên đạt kiểm định chất lượng giáo dục (cấp độ 1):

\* Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên huyện Đồng Phú đạt cấp độ 1.

\* Đánh giá mức độ đạt tiêu chí: Đạt yêu cầu bộ tiêu chí huyện nông thôn mới.

*(Kèm theo báo cáo thẩm tra số 3402/BC-SYT ngày 12/6/2024 của Sở Y tế, Báo cáo số 1876/BC-SVHTTDL ngày 27/6/2024, Báo cáo số 3196/SGDDĐT-VP ngày 07/8/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo )*

### **8.6. Tiêu chí số 6 về Kinh tế**

- Yêu cầu của tiêu chí:

+ Chỉ tiêu 6.1 - Có KCN hoặc cụm công nghiệp được đầu tư kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hoặc cụm ngành nghề nông thôn.

+ Chỉ tiêu 6.2 - Chợ trung tâm huyện đạt tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm.

+ Chỉ tiêu 6.3 - Hình thành vùng nguyên liệu tập trung đối với các sản phẩm chủ lực hoặc có mô hình liên kết theo chuỗi giá trị đảm bảo an toàn thực phẩm, kết nối từ sản xuất đến tiêu thụ đối với các sản phẩm chủ lực của huyện.

+ Chỉ tiêu 6.4 - Có Trung tâm kỹ thuật nông nghiệp hoạt động hiệu quả.

- Kết quả thực hiện tiêu chí:

+ Chỉ tiêu 6.1:

\* Trên địa bàn huyện hiện có 02 KCN và 04 cụm công nghiệp đang hoạt động (KCN Bắc Đồng Phú, KCN Nam Đồng Phú, Cụm công nghiệp Hà My, Cụm công nghiệp Tân Tiến 1, Cụm công nghiệp Tân Tiến 2, Cụm công nghiệp Thuận Phú), các khu, cụm công nghiệp này đã thu hút đầu tư đạt tỷ lệ lấp đầy là 100%. Ngoài ra, UBND tỉnh đang triển khai quy hoạch chung các KCN Đông Nam Đồng Phú với diện tích khoảng 4.196 ha; đang đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật 03 cụm công nghiệp (Cụm công nghiệp Tân Tiến 1, Cụm công nghiệp Tân Tiến 2; Cụm công nghiệp tại thị trấn Tân Phú) với diện tích 171,49 ha; triển khai mở rộng quy hoạch KCN Bắc Đồng Phú, KCN Nam Đồng Phú với diện tích 779 ha. Qua đó, không những tạo việc làm cho lao động địa phương mà còn thu hút lực lượng lao động dồi dào ở các tỉnh trong cả nước; góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế huyện.

\* Huyện Đồng Phú hiện không có làng nghề truyền thống, dân cư chủ yếu là dân nhập cư làm kinh tế mới và đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống bằng làm kinh tế nông nghiệp, trồng cây lâu năm và chăn nuôi gia súc, gia cầm. Do đó, huyện không triển khai kế hoạch bảo tồn, phát triển làng nghề.

+ Chỉ tiêu 6.2 - Chợ trung tâm huyện đạt tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm: Trung tâm huyện có 01 Chợ Đồng Phú và trên địa bàn huyện có mô hình chợ an toàn thực phẩm, 01 siêu thị CoopMart, 01 cửa hàng Thế giới di động, 01 cửa hàng hệ thống Bách hóa xanh và 500 cửa hàng bán lẻ. Hệ thống chợ, cửa hàng trên địa bàn đều được đầu tư xây dựng kiên cố đảm bảo đúng quy định. Hệ

thông chợ, siêu thị, cửa hàng trên địa bàn luôn đảm bảo phục vụ cho việc kinh doanh, buôn bán của người dân, thúc đẩy kinh tế - xã hội.

+ Chỉ tiêu 6.3:

\* Xác định vai trò quan trọng của kinh tế tập thể, HTX, sản xuất nông nghiệp theo chuỗi liên kết từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm góp phần nâng cao trình độ sản xuất, đem lại hiệu quả kinh tế cao trong khu vực nông nghiệp, nông thôn, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo động lực để thúc đẩy quá trình xây dựng nông thôn mới thành công. UBND huyện Đồng Phú đã tập trung chỉ đạo trong việc phát triển kinh tế tập thể, kinh tế HTX nhằm đưa mô hình kinh tế này vào phát triển rộng rãi trên địa bàn, tạo điều kiện để nông dân được tiếp cận với mô hình HTX kiểu mới. Đến nay, hiện có 92 trang trại theo tiêu chí mới, thu nhập bình quân một trang trại đạt từ 700 - 2.000 triệu đồng/năm và có 26 HTX đăng ký hoạt động, trong đó: Có 21 HTX nông nghiệp, 01 hợp tác xã vận tải, 01 HTX Dịch vụ - xây dựng, 01 HTX chế biến rau quả, 01 HTX dịch vụ môi trường và 01 HTX du lịch sinh thái công đồng, thu nhập bình quân lao động đạt từ 8 - 12 triệu đồng/người/tháng).

\* Đã hình thành các vùng sản xuất trồng trọt tập trung đối với các cây trồng chủ lực, có lợi thế của huyện, mang lại hiệu quả kinh tế cao như: Cao su 37.681,2 ha, điều 16.905,3 ha, cây ăn trái 997,2 ha. Toàn huyện có 70 trang trại chăn nuôi heo, gà áp dụng công nghệ cao, xử lý, kiểm soát và sử dụng có hiệu quả chất thải chăn nuôi.

\* Kinh tế trang trại, kinh tế tập thể đã phát triển và hình thành các chuỗi giá trị trong sản xuất. Các xã đều có xây dựng mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm đảm bảo phát triển bền vững đối với sản phẩm trồng trọt như: Cây ăn trái, tiêu, điều và một số cây trồng khác... Đối với chăn nuôi thì các trang trại, Công ty đều ký kết các hợp đồng tiêu thụ sản phẩm.

\* Đã hình thành mô hình sản xuất sản phẩm chủ lực theo hướng liên kết như: các trang trại chăn nuôi tập trung ký kết đầu ra sản phẩm với các Công ty, HTX như: Công ty CP, HTX điều hữu cơ Tân Lợi, HTX NN-DV-TM Thành Công, HTX sản xuất nông nghiệp Tân Phước, Công ty TNHH MTV Thái Hòa Phát, Công ty Cổ phần Hà My. Có 14 sản phẩm được cấp chứng nhận OCOP 3, 4, 5 sao, cụ thể: 01 sản phẩm sầu riêng tươi của HTX SXNN Tân Phước đạt 3 sao; 01 sản phẩm cam - bưởi da xanh của Công ty TNHH MTV Thái Hòa Phát đạt 4 sao; 02 sản phẩm cà phê Tobusta của Công ty Cổ phần Hà My đạt 4 sao; 07 sản phẩm từ hạt điều Công ty Cổ phần Hà My đạt 4 sao; 03 sản phẩm từ hạt điều của Công ty Cổ phần Hà My đạt 5 sao.

+ Chỉ tiêu 6.4:

\* Có Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp huyện hoạt động hiệu quả: Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp huyện được thành lập năm 2018 với tổng số 16 người. Trung tâm hoạt động tư vấn, chuyển giao ứng dụng khoa học kỹ thuật trong sản xuất nông nghiệp và là cầu nối tiêu thụ nông sản, từ khi thành lập đến nay, trung tâm đã tổ chức được 132 buổi tập huấn, hội thảo kỹ thuật, chuyển giao khoa học kỹ thuật đến nông dân; 84 mô hình trình diễn chăn nuôi, trồng trọt. Làm tốt

nhệm vụ chuyên môn trong phòng, chống dịch bệnh cho đàn vật nuôi và cây trồng, tình hình dịch bệnh nguy hiểm trên cây trồng không xảy ra, dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm được kiểm soát tốt góp phần phát triển chăn nuôi trở thành ngành kinh tế thế mạnh trong nông nghiệp của huyện.

\* Công tác khuyến nông, chuyển giao các tiến bộ khoa học kỹ thuật được huyện giao cho Trung tâm huyện triển khai thực hiện hiệu quả, thu hút được đông đảo người dân vào cuộc, ngoài chuyển giao khoa học kỹ thuật, các câu lạc bộ khuyến nông, tổ khuyến nông cộng đồng của xã còn hỗ trợ, hướng dẫn nông dân tiếp cận với thị trường, tư vấn sản xuất cho nông dân, chuyển đổi số, làm các công tác xã hội khác... Bên cạnh đó, lực lượng khuyến nông huyện, xã không chỉ của nhà nước mà còn của các doanh nghiệp, tổ chức xã hội, thậm chí nông dân cũng trở thành người khuyến nông viên hiệu quả.

\* Có 07 câu lạc bộ khuyến nông, nhiệm vụ của các câu lạc bộ là hỗ trợ, tư vấn cho hộ nông dân, HTX về khuyến nông; hỗ trợ, tư vấn phát triển HTX; hỗ trợ thị trường và liên kết chuỗi giá trị; tư vấn, hướng dẫn ứng dụng thương mại điện tử, hướng dẫn bán hàng, kinh doanh sản phẩm nông nghiệp trên các sàn thương mại điện tử.

- Đánh giá mức độ đạt tiêu chí: Đạt yêu cầu bộ tiêu chí huyện nông thôn mới.

*(Kèm theo báo cáo thẩm tra số 1705/SCT-QLNL ngày 30/8/2024 của Sở Công Thương; Báo cáo số 240/BC-SNN-KHHT ngày 19/8/2024 của Sở Nông nghiệp và PTNT)*

### **8.7. Tiêu chí số 7 về Môi trường**

- Yêu cầu của tiêu chí:

+ Chỉ tiêu 7.1 - Hệ thống thu gom, xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt chôn lấp trực tiếp  $\leq 50\%$  tổng lượng phát sinh.

+ Chỉ tiêu 7.2 - Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn  $\geq 40\%$ .

+ Chỉ tiêu 7.3 - Có mô hình tái chế chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp quy mô cấp xã trở lên ( $\geq 01$  mô hình).

+ Chỉ tiêu 7.4 - Có công trình xử lý nước thải sinh hoạt tập trung áp dụng biện pháp phù hợp ( $\geq 01$  công trình).

+ Chỉ tiêu 7.5 - Khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề trên địa bàn thực hiện đúng các quy định về bảo vệ môi trường, trong đó tỷ lệ đất trồng cây xanh trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp tối thiểu là 10% diện tích toàn khu.

+ Chỉ tiêu 7.6 - Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn ( $\geq 2\text{m}^2/\text{người}$ ).

+ Chỉ tiêu 7.7 - Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định ( $\geq 50\%$ ).

+ Chỉ tiêu 7.8 - Tỷ lệ điểm tập kết, trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện có hạ tầng về bảo vệ môi trường theo quy định (đạt 100%).

- Kết quả thực hiện tiêu chí:

+ Chỉ tiêu 7.1:

\* Hệ thống thu gom, xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt chôn lấp trực tiếp 50% tổng lượng phát sinh.

\* UBND huyện đã bố trí kinh phí và xây dựng các điểm tập kết theo từng cụm xã, chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trên địa bàn được các tổ thu gom rác của các xã, thị trấn thu gom về các điểm tập kết. Đơn vị vận chuyển rác tổ chức thu gom chất thải rắn tại các điểm tập kết và vận chuyển về Nhà máy xử lý. Toàn bộ lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trên địa bàn huyện thu gom được khoảng 40 tấn/ngày/đêm được thuê Công ty Cổ phần đầu tư và Phát triển Công nghệ môi trường Bình Phước, địa chỉ: tại ấp 1, xã Tiến Hưng, TP. Đồng Xoài xử lý bằng phương pháp đốt, không sử dụng phương pháp chôn lấp.

\* 09/10 xã đã tổ chức thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo đúng quy định. Riêng xã Tân Hòa do dân cư sinh sống không tập trung, lượng rác thải sinh hoạt ít chưa được tổ chức thu gom, đã hướng dẫn, tuyên truyền người dân tự phân loại, thu gom và xử lý đảm bảo quy định. UBND huyện đã bố trí kinh phí và xây dựng các điểm tập kết chất thải theo từng cụm xã, chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trên địa bàn huyện được các tổ thu gom rác của các xã, thị trấn thu gom về các điểm tập kết. Lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trên địa bàn huyện khoảng 40 tấn/ngày.đêm được thu gom về các điểm tập kết và thuê Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển công nghệ môi trường Bình Phước vận chuyển về nhà máy xử lý bằng công nghệ đốt, không chôn lấp trực tiếp.

\* Các loại chất thải rắn công nghiệp, chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động sản xuất, kinh doanh: Các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh đã ký kết hợp đồng thu gom và xử lý chất thải công nghiệp với đơn vị có chức năng xử lý. Hiện nay, trên địa bàn huyện có 02 nhà máy thu gom và xử lý chất thải nguy hại, công nghiệp đang hoạt động: Công ty TNHH Cao Gia Quý (ấp Phước Tân, xã Tân Phước) và Công ty Cổ phần Công nghệ An Huy (ấp Suối Bình, xã Đồng Tiến).

\* Đối với chất thải từ bao gói thuốc bảo vệ thực vật: Huyện đã bố trí các bể thu gom, bao gói thuốc bảo vệ thực vật tại các khu vực có nhiều đất sản xuất nông nghiệp; tổ chức các lớp tập huấn, tuyên truyền về phương pháp thu gom, xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng; đồng thời thuê đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo đúng quy định về chất thải nguy hại.

\* Đối với chất thải y tế: Trung tâm y tế huyện, các trạm y tế xã, thị trấn và cơ sở khám chữa bệnh trên địa bàn huyện thực hiện nghiêm việc thu gom, xử lý đối với các chất thải y tế và chất thải y tế nguy hại phát sinh trong quá trình khám, điều trị bệnh cho người dân, đảm bảo theo quy định tại Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT ngày 31/12/2015 của Bộ Y tế, Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải y tế. Chất thải y tế phát sinh tại

Trung tâm y tế huyện và các trạm y tế xã, thị trấn được thu gom và xử lý bằng lò đốt chất thải y tế đặt tại Trung tâm y tế huyện.

Kết quả: Đến nay, tỷ lệ thu gom, xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện đạt khoảng 80%, toàn bộ chất thải rắn thu gom được xử lý bằng phương pháp đốt, không sử dụng phương pháp chôn lấp trực tiếp; 100% chất thải y tế, chất thải nguy hại từ bao bì thuốc bảo vệ thực vật được thu gom, xử lý đúng quy định.

+ Chỉ tiêu 7.2:

\* Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn đạt  $\geq 40\%$ : Đối với các khu dân cư, điểm dân cư, khu vực tập kết rác sinh hoạt đã trang bị thùng chứa rác và hướng dẫn hộ dân tự phân loại rác tại nguồn, tận dụng triệt để rác hữu cơ để làm phân bón.

\* Thực hiện việc thí điểm phân loại, thu gom và quản lý chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn trên địa bàn huyện. Tổ chức tuyên truyền với nhiều hình thức, tổ chức tập huấn cho lực lượng nông cốt, các hộ dân và các đối tượng khác tham gia, nắm vững quy trình thực hiện phân loại, thu gom và quản lý chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn. Lắp đặt panô tuyên truyền, áp phích, băng rôn hướng dẫn và tuyên truyền về thực hiện phân loại, thu gom và quản lý chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn ở khu dân cư.

\* Thực hiện tuyên truyền, hướng dẫn các hộ gia đình, cá nhân phát sinh chất thải rắn sinh hoạt thực hiện phân loại, quản lý như sau: Khuyến khích tận dụng tối đa chất thải thực phẩm để làm phân bón hữu cơ, làm thức ăn chăn nuôi. Chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế được chuyển giao cho tổ chức, cá nhân tái sử dụng, tái chế. Các chất thải còn lại được Đội thu gom của xã thu gom và chuyển giao cho đơn vị xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo đúng quy định.

Kết quả: Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn, có 12.447/20.869, đạt 59,6%.

+ Chỉ tiêu 7.3:

\* Có mô hình tái chế chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp quy mô cấp xã trở lên (chỉ tiêu  $\geq 01$  mô hình): Trên địa bàn huyện có 01 Công ty TNHH Hùng Nhơn (xã Thuận Phú) thu gom, vận chuyển, xử lý, tái chế chất thải hữu cơ từ chăn nuôi gia cầm của các hộ trên địa bàn xã và các xã lân cận để làm phân bón hữu cơ, cung cấp trong và ngoài huyện từ năm 2015 đến nay; trung bình HTX thu gom khoảng từ 1.000 tấn chất thải/năm để xử lý, tái chế trung bình được 900 tấn phân/ hữu cơ/năm để cung cấp ra thị trường. Công ty có phương án, quy trình sản xuất kinh doanh theo hồ sơ về môi trường phù hợp với quy mô dự kiến; có địa chỉ mặt bằng hoạt động, nhà xưởng, máy móc, trang thiết bị và nhân lực phù hợp.

\* Chỉ tiêu 7.4 - Có công trình xử lý nước thải sinh hoạt tập trung áp dụng biện pháp phù hợp (chỉ tiêu  $\geq 01$  công trình):

\* Do đặc điểm địa bàn rộng, dân cư sống không tập trung nên trên địa bàn huyện chưa có hệ thống thu gom xử lý nước thải sinh hoạt tập trung để thu gom

xử lý nước thải từ các hộ dân; các hộ dân tự đầu tư xây dựng công trình bể tự hoại để xử lý nước thải phát sinh.

\* UBND huyện đã ban hành Kế hoạch số 223/KH-UBND ngày 23/11/2023 về việc quản lý nước thải trên địa bàn huyện Đồng Phú với mục đích thực hiện tốt việc quản lý nước thải trên địa bàn huyện, hoàn thành tiêu chí môi trường trong xây dựng nông thôn mới.

\* Trên địa bàn huyện hiện đã đầu tư 02 công trình xử lý nước thải sinh hoạt là: Hệ thống xử lý nước thải nhà ăn Trường Tiểu học Tân Phú (công suất 40m<sup>3</sup>/ngày đêm) và Trường Mầm non Tân Phú (công suất 50m<sup>3</sup>/ngày đêm) đảm bảo việc thu gom nước và xử lý nước thải của các trường học đạt tiêu chuẩn trước khi xả ra môi trường.

\* Công trình xử lý nước thải theo cụm: Trên địa bàn huyện hiện có Hệ thống xử lý nước thải của Khu dân cư Mỹ Khánh Vy tại thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước đáp ứng nhu cầu xử lý nước thải sinh hoạt của khu dân cư (công suất 150 m<sup>3</sup>/ngày.đêm). Trong thời gian tới, UBND huyện lựa chọn và phân đấu xây dựng công trình xử lý nước thải sinh hoạt với quy mô và công nghệ phù hợp.

\* Ngoài ra, có 100% hộ dân sinh sống trên địa bàn có biện pháp thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng công trình bể tự hoại do gia đình tự đầu tư xây dựng để xử lý nước thải sinh hoạt phát sinh. Nước thải sinh hoạt phát sinh tại các Nhà máy đều được thu gom, xử lý theo đúng quy định. Nhìn chung, việc xử lý nước thải sinh hoạt bằng công trình bể tự hoại gia đình đơn giản, chi phí thấp, phù hợp với quy mô gia đình đồng thời mang lại hiệu quả cao trong xử lý đối với nước thải sinh hoạt phát sinh hàng ngày.

+ Chỉ tiêu 7.5:

\* Trên địa bàn huyện có 02 KCN, 01 Cụm công nghiệp đang hoạt động KCN. Các cụm công nghiệp, làng nghề trên địa bàn thực hiện đúng các quy định về bảo vệ môi trường, trong đó, tỷ lệ đất trồng cây xanh trong KCN, Cụm công nghiệp tối thiểu là 10% diện tích toàn khu.

\* KCN Bắc Đồng Phú và KCN Nam Đồng Phú: Có hạ tầng bảo vệ môi trường theo quy định, đã được xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường; có bộ phận chuyên môn về bảo vệ môi trường, có nhân sự phụ trách về bảo vệ môi trường được đào tạo chuyên ngành môi trường (Phòng Công nghiệp Môi trường - Công ty Cổ phần KCN Bắc Đồng Phú); có bố trí dải cây xanh cách ly quanh KCN với chiều rộng  $\geq 10$  m; trồng cây xanh theo quy định. Cụm công nghiệp Hà Mỹ có hạ tầng bảo vệ môi trường theo quy định; có bố trí dải cây xanh cách ly quanh cụm công nghiệp với chiều rộng  $\geq 10$  m; trồng cây xanh đảm bảo tối thiểu 10% diện tích toàn cụm.

\* Ngoài ra, đang đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật 03 cụm công nghiệp (Cụm công nghiệp Tân Tiến 1, Cụm công nghiệp Tân Tiến 2 và Cụm công nghiệp tại thị trấn Tân Phú). Các cụm công nghiệp đảm bảo có hạ tầng bảo vệ



môi trường theo quy định, quy hoạch trồng cây xanh đảm bảo tối thiểu 10% diện tích toàn cụm.

+ Chỉ tiêu 7.6 - Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn (chỉ tiêu  $\geq 2 \text{ m}^2/\text{người}$ ): Trên địa bàn toàn huyện, đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn là  $2,45 \text{ m}^2/\text{người}$  ( $82.021 \text{ nhân khẩu}/201.500 \text{ m}^2 \text{ cây xanh}$ ).

+ Chỉ tiêu 7.7 - Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định (chỉ tiêu  $\geq 50\%$ ):

\* Tổ chức tuyên truyền các tổ chức, cá nhân không thải bỏ chất thải nhựa trực tiếp vào hệ thống thoát nước, ao, hồ, kênh, rạch, sông. Các tổ chức chính trị - xã hội như: Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ thường xuyên tổ chức các hoạt động tuyên truyền, thu gom rác thải, trong đó có rác thải nhựa tại các khu vực như chợ, ven đường, suối... để đảm bảo vệ sinh môi trường.

\* Chất thải nhựa được thu gom, phân loại để tái sử dụng, tái chế hoặc xử lý theo quy định của pháp luật. chất thải nhựa không thể tái chế được thu gom, xử lý cùng với chất thải rắn sinh hoạt theo đúng quy định.

\* Các Tổ chức chính trị - xã hội như: Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ... đã xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch và các mô hình thu gom, phân loại, tái sử dụng, tái chế, xử lý chất thải nhựa; hướng dẫn, tuyên truyền vận động người dân giảm thiểu sử dụng, thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý chất thải nhựa. Hiện nay, tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn huyện được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định đạt trên 80,3%.

+ Chỉ tiêu 7.8 - Tỷ lệ điểm tập kết, trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện có hạ tầng về bảo vệ môi trường theo quy định (chỉ tiêu 100%):

Hiện nay, 9/10 xã trên địa bàn huyện Đồng Phú đã tổ chức thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo đúng quy định. Riêng xã Tân Hòa chưa có đơn vị thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, các hộ dân đã tự thu gom xử lý bằng phương pháp đốt hoặc chôn lấp tại nhà. Toàn huyện đã bố trí 13 điểm tập kết chất thải rắn sinh hoạt. 100% điểm tập kết có hạ tầng về bảo vệ môi trường theo quy định tại Điều 26, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Do lượng chất thải rắn phát sinh ít, được thu gom xử lý trong ngày nên toàn huyện không bố trí trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt.

- Đánh giá mức độ đạt tiêu chí: Đạt yêu cầu Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới.

*(Kèm theo báo cáo số 164/BC-STNMT ngày 11/9/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường và báo cáo số 240/BC-SNN-KHHT ngày 19/8/2024 của Sở Nông nghiệp và PTNT)*

### **8.8. Tiêu chí số 8 về Chất lượng môi trường sống**

- Yêu cầu của tiêu chí:

+ Chỉ tiêu 8.1 - Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung  $\geq 50\%$ .

+ Chỉ tiêu 8.2 - Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững  $\geq 50\%$ .

+ Chỉ tiêu 8.3 - Có kế hoạch/Đề án kiểm kê, kiểm soát, bảo vệ chất lượng nước; phục hồi cảnh quan, cải tạo hệ sinh thái ao hồ và các nguồn nước mặt trên địa bàn huyện.

+ Chỉ tiêu 8.4 - Cảnh quan, không gian trên địa bàn toàn huyện đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn.

+ Chỉ tiêu 8.5 - Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do huyện quản lý tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm (đạt 100%).

- Kết quả thực hiện tiêu chí:

+ Chỉ tiêu 8.1 - Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung: Tổng số hộ gia đình sử dụng nước sạch là 17.488/25.739 hộ, đạt 67,94%, trong đó, 48% số hộ gia đình sử dụng nước từ hệ thống cấp nước tập trung.

+ Chỉ tiêu 8.2 - Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững: Trên địa bàn huyện có 05 hệ thống cung cấp nước sạch tập trung: Công ty TNHH Cấp thoát nước Đồng Phú tại thị trấn Tân Phú, Trạm cấp nước xã Tân Lập, Nhà máy cấp nước Đồng Xoài tại xã Thuận Lợi, Trạm cấp nước xã Tân Tiến, Trạm cấp nước khu Định canh định cư đồng bào dân tộc tại ấp Pa Pếch, xã Tân Hưng. 100% công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững.

+ Chỉ tiêu 8.3 - Có kế hoạch/Đề án kiểm kê, kiểm soát, bảo vệ chất lượng nước; phục hồi cảnh quan, cải tạo hệ sinh thái ao hồ và các nguồn nước mặt trên địa bàn huyện: Trên địa bàn huyện có hồ Suối Giai, hồ Tân Hòa, hồ Đồng Xoài, hồ Tân Lợi, hồ Suối Bình, hồ Tân Hưng, hồ Suối Lam; ngoài ra còn có các sông, suối; Công ty TNHH MTV Dịch vụ Thủy lợi Bình Phước quản lý 06/07 hồ; Công ty cổ phần Cao su Đồng Phú quản lý hồ Suối Lam.

+ Chỉ tiêu 8.4 - Cảnh quan, không gian trên địa bàn toàn huyện đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn: Hàng năm, UBND huyện ban hành kế hoạch thực hiện xây dựng tuyến đường sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn. Tổng số 280,17km đường xã, liên xã, đường trục thôn, liên thôn và các khu vực công cộng được trồng hoa, cây bóng mát, cây cảnh, thảm cỏ... và được trang bị thùng đựng rác hoặc bố trí điểm tập kết rác hợp lý. Tổng số 273,1km kênh mương được vệ sinh, nạo vét, khơi thông dòng chảy, phát quang, kè bờ. Diện tích trồng cây xanh đạt trên 2m<sup>2</sup>/người. Trên 70% số hộ gia đình thực hiện cải tạo vườn tạp, chỉnh trang hàng rào bằng cây xanh (hoặc các loại hàng rào khác nhưng có phủ cây xanh). Trên 50% tuyến đường xã, liên xã, liên thôn được xây dựng, lắp đặt hệ thống chiếu sáng

+ Chỉ tiêu 8.5 - Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do huyện quản lý tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm (đạt 100%): Có

1.045/1.045 cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do huyện quản lý tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm.

- Đánh giá mức độ đạt tiêu chí: Đạt yêu cầu bộ tiêu chí huyện nông thôn mới.

*(Kèm theo Báo cáo số 164/BC-STNMT ngày 11/9/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường và Báo cáo số 240/BC-SNN-KHHT ngày 19/8/2024 của Sở Nông nghiệp và PTNT)*

### **8.9. Tiêu chí số 9 về Hệ thống chính trị An ninh trật tự - Hành chính công**

- Yêu cầu tiêu chí:

+ Chỉ tiêu 9.1 - Đảng bộ, chính quyền huyện được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

+ Chỉ tiêu 9.2 - Tổ chức chính trị - xã hội của huyện được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên (đạt 100%).

+ Chỉ tiêu 9.3 - Trong 02 năm liên tục trước năm xét công nhận, không có công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý bị xử lý kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

+ Chỉ tiêu 9.4 - Đảm bảo an ninh, trật tự.

+ Chỉ tiêu 9.5 - Có dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trở lên.

+ Chỉ tiêu 9.6 - Huyện đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định.

- Kết quả thực hiện tiêu chí:

+ Chỉ tiêu 9.1: Hàng năm, Đảng bộ, chính quyền huyện được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ.

+ Chỉ tiêu 9.2: Các tổ chức chính trị - xã hội được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

+ Chỉ tiêu 9.3: Trong 02 năm (2022, 2023) không có công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý bị xử lý kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

+ Chỉ tiêu 9.4 - Đảm bảo an toàn an ninh, trật tự:

Hàng năm, Huyện ủy xây dựng Nghị quyết, UBND huyện ban hành Kế hoạch về công tác đảm bảo an ninh, trật tự. Công an huyện đã triển khai các biện pháp nghiệp vụ, chủ động nắm tình hình, thực hiện có hiệu quả công tác phòng ngừa, đấu tranh làm thất bại âm mưu hoạt động của các thế lực thù địch, đấu tranh, trấn áp mạnh mẽ các loại tội phạm, tệ nạn xã hội. Lực lượng công an từ huyện đến xã đã phát huy vai trò tham mưu cấp ủy, chính quyền chỉ đạo tổ chức huy động sức mạnh của cả hệ thống chính trị và toàn dân tham gia bảo vệ an ninh, trật tự. Phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc” đã được sự quan tâm của các cấp ủy Đảng, chính quyền, các ngành, các cấp và được sự hưởng ứng tích cực của các tầng lớp Nhân dân, có sự gắn kết giữa phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc” với công tác dân vận chung sức XDNTM; thường xuyên xây dựng, củng cố, phát triển các lực lượng nòng cốt ở cơ sở... Công tác xây dựng phong trào đã góp phần quan trọng nhằm nâng cao cảnh giác, phát huy

tính chủ động của các tầng lớp Nhân dân trong công tác đảm bảo an ninh, trật tự. Công tác tuyên truyền được chú trọng bằng nhiều hình thức, nội dung tuyên truyền về phương thức, thủ đoạn hoạt động của các loại tội phạm. Trong các năm qua, trên địa bàn huyện không có tổ chức, cá nhân hoạt động chống Đảng, chính quyền, phá hoại kinh tế, truyền đạo trái pháp luật, khiêu khích đông người kéo dài, không có tụ điểm phức tạp về trật tự xã hội. Tệ nạn xã hội, tệ nạn ma túy (số người nghiện ma túy), tai nạn giao thông được kiểm chế so với các năm trước. Nhìn chung, tình hình an ninh chính trị, trật tự toàn xã hội trên địa bàn huyện các năm qua luôn được giữ vững, ổn định.

+ Chỉ tiêu 9.5 - Huyện có hệ thống một cửa liên thông với các xã, qua khảo sát, đánh giá hệ thống dịch vụ công trực tuyến huyện đều đạt mức độ 3 trở lên:

Thực hiện theo Bộ thủ tục hành chính do UBND tỉnh ban hành, theo đó có 76% thủ tục hành chính là dịch vụ công trực tuyến toàn trình (trong đó tổng số thủ tục hành chính của huyện là 237 thủ tục, toàn trình là 179 thủ tục).

+ Chỉ tiêu 9.6 - Huyện đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định:

\* Có 01 thị trấn và 10 xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, huyện đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định.

\* UBND huyện đã ban hành Quyết định số 5279/QĐ-UBND ngày 07/02/2024 công nhận xã, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2023.

- Đánh giá mức độ đạt tiêu chí: Đạt yêu cầu Bộ tiêu chí huyện đạt chuẩn nông thôn mới.

*(Kèm theo Báo cáo số 1104/SNV-XDCQ ngày 11/6/2024 của Sở Nội vụ; Báo cáo số 374/BC-CAT-PV01 ngày 17/6/2024 của Công an tỉnh; Báo cáo số 174/BC-STTTT ngày 11/6/2024 của Sở Thông tin và Truyền thông; Báo cáo số 1064/STP-BC ngày 04/6/2024 của Sở Tư pháp)*

## **9. Về tình hình nợ đọng xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện**

Căn cứ Công văn số 8932/BKHĐT-KTNN ngày 01/11/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn xác định nợ đọng xây dựng cơ bản trong Chương trình MTQG XDNTM, thì từ năm 2010 đến nay, huyện Đồng Phú “không có nợ đọng xây dựng cơ bản của Chương trình MTQG XDNTM”.

*(Kèm theo Báo cáo số 1472/BC-SKHĐT ngày 12/6/2024 của Sở Kế hoạch và Đầu tư)*

## **10. Về kế hoạch nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới**

### **10.1. Quan điểm**

Thực hiện Chương trình mục MTQG XDNTM là chủ trương lớn để phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất tinh thần của người dân nông thôn, là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội trong giai đoạn hiện nay. Quan điểm XDNTM là hướng đến thực hiện việc thu hẹp khoảng cách giữa thành thị và nông thôn, phát triển lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất và quan hệ xã hội, cải thiện điều kiện sinh hoạt ở nông thôn.

## **10.2. Mục tiêu**

### **a) Mục tiêu chung**

Nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân nông thôn, xây dựng hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn đồng bộ và hiện đại, gắn với quá trình đô thị hóa. Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin và xây dựng nông thôn mới thông minh; tiếp tục thực hiện hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn gắn với XDNTM theo hướng nông nghiệp sinh thái, kinh tế tuần hoàn, thích ứng với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững; đảm bảo môi trường, cảnh quan nông thôn sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn; đời sống nông thôn giàu bản sắc văn hóa truyền thống; đưa nông thôn trở thành nơi đáng sống.

### **b) Mục tiêu cụ thể**

Phân đầu đến năm 2025 đạt các chỉ tiêu:

- Cơ bản đạt các tiêu chí huyện nông thôn mới nâng cao.

- Có thêm 02 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao và 01 xã kiểu mẫu. Thực hiện đạt các chỉ tiêu cơ bản (theo tỷ lệ phần trăm): Hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện thường xuyên, an toàn đạt trên 99%; trên 80% trường học các cấp đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1, trên 10% trường học các cấp đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2; nhà ở kiên cố, bán kiên cố theo tiêu chuẩn quy định từ 90% trở lên; nghèo đa chiều dưới 0,1%; người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 95% trở lên; hộ sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung đạt 68% trở lên; thu gom rác thải tập trung đạt trên 90%. Thu nhập bình quân đầu người đạt 86 triệu đồng/người/năm.

## **10.3. Nội dung nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao**

### **a) Quy hoạch**

Trên cơ sở quy hoạch vùng huyện và các quy hoạch chi tiết đã được phê duyệt, tiếp tục rà soát, bổ sung điều chỉnh cho phù hợp với từng xã và toàn huyện. Tổ chức triển khai xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật theo đúng quy hoạch được phê duyệt và theo kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.

### **b) Giao thông**

Tiếp tục đẩy mạnh đầu tư, nâng cấp các tuyến đường giao thông nông thôn, nhất là đường ngõ xóm, đường trục chính nội đồng. Phân đầu đến năm 2025: đường trục ấp được nhựa hoá hoặc bê tông hoá đạt 100%, phần còn lại được đảm bảo duy trì cứng hoá; đường ngõ xóm được nhựa hoá hoặc bê tông hoá đạt trên 100%, phần còn lại được duy trì cứng hoá, đảm bảo ngõ xóm sạch, không lầy lội vào mùa mưa; đường trục chính nội đồng có tỷ lệ nhựa hoá hoặc bê tông hoá đạt tỷ lệ 70%, phần còn lại được duy trì cứng hoá, xe cơ giới đi lại thuận tiện; các tuyến đường trục chính trong khu dân cư đảm bảo sáng, xanh, sạch, đẹp. UBND các xã chủ động phối hợp với các đơn vị chức năng huy động

Nhân dân thực hiện nhựa hóa hoặc bê tông hóa đường trục thôn, xóm và các đường ngõ, xóm...

*c) Thủy lợi*

Đẩy mạnh đầu tư mở rộng diện tích sử dụng hệ thống tưới nước tiết kiệm, đặc biệt bố trí gieo trồng theo đúng mùa vụ, nâng diện tích có nước tưới để sản xuất trong mùa khô từ các nguồn trên 90% tổng diện tích.

*d) Điện nông thôn*

Xây dựng hoàn thiện hệ thống các công trình đảm bảo cung cấp điện phục vụ sinh hoạt và sản xuất trên địa bàn xã. Đến năm 2025, nâng cao và duy trì tỷ lệ hộ dùng điện đạt 100%; hoàn tất việc đầu tư mới các trạm biến áp, điện trung thế và hạ thế đến các khu chăn nuôi, khu sản xuất tập trung mở mới trên địa bàn. Duy trì việc cung cấp lưới điện đến các khu sản xuất, khu tập trung đạt tỷ lệ 100%. Tỷ lệ điện đáp ứng cho nhu cầu khu sản xuất, chăn nuôi, tiểu thủ công nghiệp, thủy sản tập trung theo quy hoạch đạt 100%.

*đ) Trường học*

Tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất để 100% số trường đạt chuẩn quốc gia; nâng chuẩn mức độ 2 đối với trường mầm non, tiểu học đã chuẩn mức độ 1. Nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập, xây dựng cảnh quan, khuôn viên nhà trường xanh - sạch - đẹp - an toàn.

*e) Nước sạch*

Đầu tư và quản lý hữu hiệu các công trình cấp nước nhằm đạt tỷ lệ hộ sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 100%, trong đó, có trên 80% hộ được sử dụng nước sạch, phối hợp với đơn vị cấp trên tiếp tục đầu tư mở rộng, nâng cấp, nâng cao hiệu quả sử dụng nước sạch, khai thác và quản lý có hiệu quả hệ thống cung cấp nước sạch tập trung hiện hữu.

*g) Y tế, Văn hóa, Giáo dục*

- Y tế:

+ Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát hoạt động y tế của tuyến xã đảm bảo kế hoạch được thực hiện theo đúng tiến độ, đạt hiệu quả. Duy trì, giữ vững 100% xã đạt Tiêu chí quốc gia về y tế. Thường xuyên kiểm tra việc thực hiện quy chế chuyên môn, việc thực hiện kỷ cương, đạo đức công vụ, việc thực hiện cam kết đổi mới tinh thần thái độ phục vụ, xây dựng các cơ sở khám, chữa bệnh xanh, sạch, đẹp hướng tới sự hài lòng của người bệnh. củng cố và hoàn thiện mạng lưới y tế cơ sở từ huyện đến xã, thị trấn, xây mới và nâng cấp mở rộng trạm y tế xã giai đoạn năm 2021-2025. 100% trạm y tế xã, thị trấn có phòng chức năng đạt chuẩn về cơ sở hạ tầng, thiết bị và nhân lực. Thực hiện đầy đủ các chức năng về y tế dự phòng, khám chữa bệnh, phục hồi chức năng.

+ Đẩy mạnh hoạt động truyền thông nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi của người dân để bảo vệ và nâng cao sức khỏe với sự tham gia tích cực của các cơ sở y tế huyện, xã, thị trấn và nhân viên y tế ấp, khu phố qua các hoạt động phòng, chống dịch bệnh, chăm sóc sức khỏe ban đầu. Tăng cường nhân lực bác

sĩ cho trạm y tế xã, thị trấn thực hiện chăm sóc sức khỏe ban đầu, theo dõi sức khỏe Nhân dân. Thực hiện chế độ luân phiên hai chiều từ trên xuống dưới và từ dưới lên trên nhằm tăng cường năng lực, chuyên môn kỹ thuật cho đội ngũ y, bác sĩ tuyến xã thị trấn.

+ Kiện toàn mạng lưới cung cấp dịch vụ dân số, chăm sóc sức khỏe sinh sản thiết yếu ở các tuyến, mở rộng dịch vụ tư vấn và khám sức khỏe tiền hôn nhân, sàng lọc, chẩn đoán trước sinh và sơ sinh. Huy động các ngành, các tổ chức đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội và cộng đồng tham gia công tác dân số, phòng, chống suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi.

+ Tiếp tục chỉ đạo để các địa phương thực hiện tốt công tác tuyên truyền, vận động để người dân tích cực tham gia mua Bảo hiểm y tế, phấn đấu đến năm 2025 đạt trên 95%.

- Văn hóa: Quan tâm duy trì, bảo dưỡng tốt các thiết chế văn hóa huyện, xã, ấp. Tổ chức tốt các nội dung sinh hoạt để khai thác hiệu quả đối với các thiết chế văn hóa, đảm bảo 100% Trung tâm Văn hóa, Thể thao - Học tập cộng đồng xã và Nhà Văn hóa ấp luôn hoạt động có hiệu quả, đáp ứng ngày càng tốt đời sống tinh thần người dân.

- Giáo dục:

+ Thường xuyên phối hợp các sở, ban ngành thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phổ biến chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn, Chương trình MTQG XDNTM về lĩnh vực giáo dục. Đẩy mạnh việc triển khai thực hiện quy hoạch phát triển giáo dục và đào tạo và kế hoạch xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu học tập của con em Nhân dân, nâng cao chất lượng giáo dục, chuẩn hoá cơ sở vật chất trường học... góp phần đáp ứng các tiêu chí XDNTM.

+ Duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập Mầm non cho trẻ em 5 tuổi; xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, phổ cập giáo dục THCS ở 100% số xã, thị trấn. Duy trì tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS vào học lớp 10 trung học phổ thông, bổ túc trung học phổ thông một cách hợp lý phù hợp với tiêu chí trong XDNTM. Phối hợp với các ban ngành và các địa phương trong tham mưu, ưu tiên bố trí kinh phí đầu tư từ các nguồn vốn cho xây dựng cơ sở vật chất trường học trên địa bàn các xã.

- Kinh tế và tổ chức sản xuất: Đẩy mạnh phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, nâng cao giá trị gia tăng, phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp sạch theo hướng hữu cơ tạo ra sản phẩm an toàn, chất lượng, nâng cao khả năng cạnh tranh của sản phẩm kể cả trong nước và xuất khẩu, đáp ứng yêu cầu 5 có: “có giá trị cao, có khả năng cạnh tranh, có thị trường tiêu thụ, có hiệu quả cao và có thương hiệu”. Đẩy mạnh phát triển công nghiệp, dịch vụ, để công nghiệp, dịch vụ thực sự hỗ trợ trở lại cho phát triển nông nghiệp và XDNTM xem phát triển sản xuất là cái gốc để đầu tư XDNTM.

- Môi trường:

+ Các hoạt động liên quan đến công tác bảo vệ môi trường, tạo cảnh quan, xây dựng môi trường xanh, sạch, đẹp được chú trọng thực hiện. Bên cạnh đó sẽ tập trung triển khai kế hoạch đầu tư các trạm cấp nước tập trung trên địa bàn huyện, phân đầu đến năm 2025 tỷ lệ người dân nông thôn được sử dụng nước sạch tập trung đạt trên 90%, 100% hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh theo quy chuẩn Quốc gia.

+ Trên 99% số hộ dân có nhà tiêu hợp vệ sinh đạt chuẩn, đảm bảo vệ sinh an toàn đối với khu vực sinh hoạt của con người; tăng cường các hoạt động phát triển môi trường xanh, sạch, đẹp, không có các hoạt động suy giảm môi trường; 100% hộ chăn nuôi gia súc, gia cầm vào các khu chăn nuôi tập trung đã quy hoạch. Chất thải y tế, chất thải sinh hoạt được thu gom và xử lý theo quy định.

- An ninh trật tự xã hội: Thường xuyên củng cố tăng cường nâng cao chất lượng hoạt động lực lượng vũ trang địa phương (quân sự, công an), hoạt động tự quản trong cộng đồng dân cư, hạn chế thấp nhất vấn đề vi phạm pháp luật, đặc biệt là vấn đề trọng án, vấn đề an ninh trật tự, tệ nạn xã hội, tai nạn giao thông, huy động sức mạnh của cả hệ thống chính trị và các tầng lớp Nhân dân trong công tác đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội khu vực nông thôn nói riêng và trên địa bàn huyện nói chung.

- Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới: Tiếp tục tập trung, quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền địa phương, Ban Chỉ đạo các cấp, vai trò tham gia thực hiện của các đoàn thể, cơ quan giúp việc Ban Chỉ đạo đối với việc thực hiện Chương trình MTQG XDNTM trên địa bàn. Nâng cao hơn nữa chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức cấp cơ sở trên cả hai mặt, phẩm chất đạo đức và năng lực chuyên môn, đảm bảo cho Chương trình MTQG XDNTM luôn được lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện hiệu quả.

## **11. Một số giải pháp nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới hướng tới huyện nông thôn mới nâng cao**

### **11.1. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo**

- Các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể, Ban Chỉ đạo Chương trình MTQG XDNTM quán triệt và thực hiện nghiêm Kết luận số 54-KL/TW ngày 07/8/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

- Thường xuyên kiện toàn Ban Chỉ đạo cấp huyện, xã; phân công nhiệm vụ thành viên Ban Chỉ đạo, định kỳ hàng quý tổ chức họp đánh giá kết quả thực hiện, lãnh đạo, chỉ đạo; xây dựng lộ trình cụ thể để củng cố XDNTM nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của cấp ủy, Ban Chỉ đạo, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể xã hội đối với việc thực hiện XDNTM.

- Hàng năm, tổ chức sơ kết, tổng kết, phát hiện các mô hình làm tốt, cách làm mới có hiệu quả, phổ biến, nhân rộng. Có khen thưởng kịp thời đối với các tập thể, cá nhân thực hiện tốt, đồng thời phê bình các tập thể, cá nhân có tư tưởng trông chờ, ỷ lại thiếu tích cực trong thực hiện Chương trình MTQG XDNTM.



## ***11.2. Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền***

- Đổi mới công tác tuyên truyền, nhất là thông tin mới, những vấn đề thực tế đặt ra cần tập trung chỉ đạo đối với Xương trình, đặc biệt đối với những nội dung liên quan đến việc nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới đạt được. Tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức của cấp ủy Đảng, chính quyền và các tầng lớp Nhân dân, phát huy có hiệu quả sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị trong triển khai, tổ chức thực hiện. Phát hiện, biểu dương, khen thưởng và nhân rộng kịp thời những cách làm mới, sáng tạo, hiệu quả, các điển hình tiên tiến. Phát động và thực hiện hiệu quả các phong trào thi đua để tạo điển hình, động lực thúc đẩy thực hiện phong trào.

## ***11.3. Đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ***

- Tập trung thực hiện tốt công tác quy hoạch: Gắn quy hoạch nông thôn mới với quy hoạch vùng huyện; đảm bảo mang tính kết nối cao của hệ thống hạ tầng và quản lý theo đúng quy hoạch.

- Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện tốt về huy động nguồn lực xây dựng và phát triển nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025 để huy động tối đa mọi nguồn lực tại địa phương, các nguồn vốn đóng góp, hỗ trợ, tài trợ của các tổ chức doanh nghiệp, hộ gia đình để tập trung xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội và duy tu nâng cấp các công trình hiện có. Sử dụng hiệu quả nguồn vốn của Nhà nước theo cơ chế hỗ trợ xây dựng nông thôn mới và các nguồn vốn lồng ghép các chương trình mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội.

## ***11.4. Tập trung phát triển kinh tế, nâng cao thu nhập cho người dân***

- Tiếp tục thực hiện Kết luận số 54-KL/TW ngày 07/8/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Đẩy mạnh tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng sản xuất tập trung, quy mô lớn, công nghệ cao, nâng cao giá trị gia tăng, khả năng cạnh tranh và phát triển bền vững. Trong đó, ưu tiên phát triển các loại cây trồng, vật nuôi chủ lực như: Cây cao su, điều, cây có múi, chăn nuôi heo, gà và nông nghiệp hữu cơ. Tiếp tục triển khai thực hiện Chương trình “Mỗi xã một sản phẩm” giai đoạn 2022-2025. Đẩy mạnh phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, nâng cao giá trị gia tăng, trong đó, chú ý phát triển mở rộng mô hình kinh tế tiên tiến hiệu quả, hình thành vùng trồng trọt, vùng chăn nuôi tập trung, đáp ứng yêu cầu “có giá trị cao, có khả năng cạnh tranh, có thị trường tiêu thụ, có hiệu quả cao”. Phát triển nông nghiệp bền vững, phấn đấu đến cuối năm 2021 giá trị sản phẩm thu hoạch trên ha trồng trọt đạt bình quân từ 130-150 triệu đồng/ha/năm, thu nhập bình quân đầu người đạt trên 70 triệu đồng/người/năm. Đẩy mạnh phát triển công nghiệp, dịch vụ để đầu tư XDNTM.

- Tập trung chỉnh trang cảnh quan môi trường nông thôn đảm bảo nông thôn luôn “sáng - xanh - sạch - đẹp - bền vững”, để tiến tới XDNTM nâng cao, kiểu mẫu.

## ***11.5. Phát triển Giáo dục - Y tế - Văn hóa***

- Hoàn thiện hạ tầng giáo dục đạt chuẩn theo quy định, từ đó nâng cao phổ cập tiểu học và THCS mức độ 3; tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo đạt 60% trở lên.

- Nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe ban đầu, đảm bảo người dân được thụ hưởng các dịch vụ y tế cơ sở; thực hiện hiệu quả công tác kiểm soát bệnh truyền nhiễm, không để xảy ra tình trạng ngộ độc thực phẩm đông người.

- Nâng cao chất lượng hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, đảm bảo thu hút nhiều người dân tham gia; bảo tồn và phát huy giá trị truyền thống; xây dựng nếp sống cộng đồng văn minh, dân chủ, đoàn kết tương trợ lẫn nhau. Hình thành ngày càng nhiều các mô hình, câu lạc bộ, đội nhóm, phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao.

### ***11.6. Bảo vệ môi trường***

- Mở rộng hệ thống cấp nước sạch nông thôn; rà soát, có giải pháp hoàn thiện hạ tầng thoát nước, hạ tầng xử lý rác thải, nước thải tại các tuyến đường giao thông, khu dân cư, khu công nghiệp.

- Nâng cao tỷ lệ phân loại rác tại các hộ gia đình, đảm bảo tỷ lệ trên 50% chủ động thích ứng và phòng chống thiên tai có hiệu quả.

- Tiếp tục thực hiện về tăng cường vệ sinh môi trường kết hợp làm sạch, làm xanh, làm đẹp gắn với XDNTM nâng cao giai đoạn 2021-2025.

### ***11.7. Lĩnh vực cải cách hành chính, Quốc phòng - An ninh***

Xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh, tăng cường tính công khai, minh bạch trong hoạt động của các cơ quan hành chính, để nhận được ủng hộ và phát huy vai trò chủ thể của người dân; phát triển đội ngũ cán bộ công chức đáp ứng cả về trình độ, năng lực và phẩm chất. Xây dựng lực lượng công an và quân đội vững mạnh, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật, nhân rộng các mô hình tự quản về an ninh trật tự khu dân cư, từ đó huy động sức mạnh toàn dân trong công tác đấu tranh phòng chống tội phạm, giữ vững, đảm bảo ninh.

## **III. KẾT LUẬN**

### **1. Về hồ sơ**

Hồ sơ đầy đủ, đúng trình tự và thủ tục theo quy định tại Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi Quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và hoàn thành nhiệm vụ XDNTM giai đoạn 2021-2025.

### **2. Về hiệu quả hoạt động của Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới huyện**

Trong thời gian qua, Văn phòng điều phối Chương trình MTQG XDNTM huyện được thành lập và kiện toàn (khi có thay đổi thành viên) và hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ đúng theo quy định. Văn phòng điều phối Chương

trình MTQG XDNTM huyện hoàn thành xuất sắc công tác tham mưu cho Ban Chỉ đạo huyện, UBND huyện trong công tác chỉ đạo, triển khai thực hiện Chương trình MTQG XDNTM trên địa bàn huyện.

### **3. Về số xã, thị trấn đạt chuẩn theo quy định**

- Tổng số xã trên địa bàn huyện: 10 xã.
- Số xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới: 10 xã (đạt 100%).
- Số xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao: 04 xã (đạt 40%).
- Tổng số thị trấn trên địa bàn: 01 thị trấn.
- Số thị trấn đã được công nhận đạt chuẩn văn minh đô thị: 01 thị trấn.
- Tỷ lệ số thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị: 100%.

### **3. Về kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới ở các xã**

- 10/10 xã thực hiện đạt 19/19 tiêu chí xã nông thôn mới theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1360/QĐ-UBND ngày 28/7/2022 của UBND tỉnh Bình Phước, đạt 100%.

- 04/10 xã (Tân Lập, Tân Tiến, Thuận Phú và Đồng Tiến) thực hiện đạt 20/20 tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1361/QĐ-UBND ngày 28/7/2022 của UBND tỉnh Bình Phước, đạt 40%.

### **4. Về kết quả thực hiện và mức độ đạt chuẩn các tiêu chí huyện nông thôn mới**

Qua kết quả tự đánh giá của UBND huyện Đồng Phú, kết quả thẩm tra, xác nhận mức độ đạt chuẩn của từng tiêu chí do các sở, ngành tỉnh phụ trách kết luận: huyện Đồng Phú đạt chuẩn huyện nông thôn mới theo đúng quy định tại Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định Quyết định số 211/QĐ-TTg ngày 01/3/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi một số tiêu chí, chỉ tiêu của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới, Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao, Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025; bổ sung tiêu chí huyện nông thôn mới đặc thù, không có đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2021-2025.

### **5. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong thực hiện xây dựng huyện nông thôn mới**

Căn cứ Công văn số 8932/BKHĐT-KTNN ngày 01/11/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn xác định nợ đọng xây dựng cơ bản trong Chương trình MTQG XDNTM, đến ngày 31/12/2021, huyện Đồng Phú “không có nợ đọng xây dựng cơ bản của Chương trình MTQG XDNTM”.

## **IV. KIẾN NGHỊ**

UBND tỉnh Bình Phước kính đề nghị Bộ Nông nghiệp và PTNT xem xét thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ công nhận huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước đạt chuẩn huyện nông thôn mới năm 2024./.

***Nơi nhận:***

- Như trên;
- Bộ Nông nghiệp & PTNT;
- Văn phòng Điều phối NTM Trung ương;
- TTTU, TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh;
- UB MTTQVN tỉnh;
- Ban Chỉ đạo các CTMTQG tỉnh;
- Sở NN và PTNT;
- VPĐP XDNTM tỉnh (6b);
- UBND huyện Đồng Phú;
- LĐVP, P. KT;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**